

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**PHẠM MINH TƯỜNG**

**QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI  
CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT  
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH NAM ĐỊNH**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự**

**Mã số: 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. Đặng Quang Phương**

**Hà Nội, 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

**Tác giả luận văn**

**Phạm Minh Tường**

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI .....	7
1.1. Những vấn đề chung về người chưa thành niên phạm tội .....	7
1.2. Các nguyên tắc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội .....	12
CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI.....	25
2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội .....	25
2.2. Quy định chung về căn cứ quyết định hình phạt .....	34
2.3. Quy định riêng của Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội .....	40
CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI..	52
3.1. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Nam Định.....	52
3.2. Các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội .....	64
KẾT LUẬN .....	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	78
PHỤ LỤC.....	86

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS:	Bộ luật hình sự
BLTTHS:	Bộ luật Tố tụng hình sự
NCTN:	Người chưa thành niên
NCTNPT:	Người chưa thành niên phạm tội

## **DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU**

- Bảng 3.1: Thống kê số vụ án hình sự có bị cáo là NCTN thực hiện đã thụ lý trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015
- Bảng 3.2: Thống kê các tội phạm do NCTN thực hiện đã được xét xử trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015
- Bảng 3.3: Thống kê NCTNPT đã bị xét xử theo nhóm tuổi trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015
- Bảng 3.4: Biểu đồ thể hiện NCTNPT đã bị xét xử theo nhóm tuổi trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015
- Bảng 3.5: Biểu đồ thể hiện cơ cấu NCTNPT trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015 (theo %)
- Bảng 3.6: Thống kê hình phạt tù với hình phạt khác đối với NCTNPT tại tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015
- Bảng 3.7: Thống kê hình phạt đối với NCTNPT tại tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ khi chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, nước ta đã có những bước tiến vượt bậc trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Nền kinh tế phát triển mạnh mẽ đã tạo ra nhiều của cải cho xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân ngày một nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đó, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã dẫn đến nhiều hệ lụy xấu cho xã hội và một trong những hệ lụy xấu đó là sự gia tăng và diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm do NCTN thực hiện.

Ở mọi quốc gia trên thế giới, trẻ em luôn là một đối tượng được sự quan tâm đặc biệt của xã hội vì trẻ em chính là tương lai của đất nước, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là nhân tố quyết định sự thành công, phát triển và phồn vinh của nước nhà. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX khẳng định: “Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức;...”.

Hiện nay, vấn đề NCTNPT vẫn đang thu hút sự quan tâm của xã hội và các cơ quan bảo vệ pháp luật. Trong những năm gần đây, tình hình NCTN vi phạm pháp luật, NCTN tái phạm gia tăng, sự trẻ hóa của tội phạm chưa thành niên đòi hỏi phải có những biện pháp xử lý thích hợp, không chỉ nhằm đảm bảo trật tự an toàn cho cộng đồng mà còn nhằm bảo vệ sự phát triển bền vững của xã hội trong tương lai. Trong khi đó, Bộ luật hình sự năm 1999, một trong những công cụ sắc bén, hữu hiệu để đấu tranh phòng, chống tội phạm, theo quá trình phát triển của xã hội đã bộc lộ những nhược điểm, chưa đáp ứng được yêu cầu của xu thế hội nhập cũng như yêu cầu đấu tranh hiệu quả với tình trạng tội phạm nói chung và tội phạm là NCTN nói riêng. Đặc biệt là các quy định pháp luật về quyết định hình phạt chưa thể hiện rõ quan điểm của

Đảng và Nhà nước trong việc phòng, chống tội phạm. Bên cạnh đó, việc quyết định hình phạt đối với NCTNPT nói chung và ở tỉnh Nam Định nói riêng trên thực tế còn gặp nhiều bất cập do nhận thức và vận dụng không thống nhất, chưa có đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao chuyên về NCTNPT tiến hành tố tụng dẫn đến việc quyết định hình phạt không phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của NCTNPT. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách có hệ thống các quy định pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTNPT và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Nam Định nhằm hoàn thiện các quy định về quyết định hình phạt đối với NCTNPT, bảo đảm áp dụng hình phạt đúng đối với họ là vấn đề có ý nghĩa cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Với nhận thức như trên, Học viên đã lựa chọn đề tài: ***“Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Nam Định”*** làm luận văn Thạc sỹ Luật học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Việc nghiên cứu hình phạt và quyết định hình phạt đối với NCTNPT ở Việt Nam đã được đề cập trong một số Luận án tiến sỹ và thạc sỹ Luật học như:

Luận án tiến sỹ luật học của TS. Dương Tuyết Miên về “Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam”, 2003;

Luận văn Thạc sỹ luật học của Ths. Đào Thị Nga về “Quyết định hình phạt đối với NCTNPT”, 1997;

Luận án tiến sỹ luật học của TS. Nguyễn Sơn về “Các hình phạt chính trong luật hình sự Việt Nam”, 2002;

Luận văn thạc sỹ luật học của Ths. Trương Thị Quỳnh Trâm về “Quyết định hình phạt đối với NCTNPT theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”, 2014; ...Ngoài ra, còn có một số bài viết được đăng trên các báo cáo và tạp chí chuyên ngành về lĩnh vực này như:

“Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội” của tác giả Võ Khánh Vinh và Nguyễn Văn Hoàn (Tạp chí Luật học số 4/1986);

“Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999” của tác giả Đinh Văn Quế (Tập chí Tòa án nhân dân số 16/2005);

“Trách nhiệm hình sự của NCTNPT và nguyên tắc xử lý của BLHS năm 1999” tác giả Đặng Thị Thanh (Tập chí Tòa án nhân dân số 6/2000);...

Tuy nhiên, qua nghiên cứu các công trình trên cho thấy, một số công trình có phạm vi nghiên cứu rộng, trong đó vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTNPT chỉ là một phần trong nội dung nghiên cứu của tác giả nên chưa được phân tích sâu cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn; có công trình chỉ đề cập một phần trong nội dung của quyết định hình phạt đối với NCTNPT hoặc chỉ tập trung về phần lý luận nên tác giả chưa đưa ra các giải pháp có tính hệ thống và toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTNPT; hoặc có công trình nghiên cứu về quyết định hình phạt đối NCTNPT nhưng đã thực hiện cách đây khá lâu. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu về thực tiễn một địa phương cụ thể để hoàn thiện các quy định của pháp luật về quyết định hình phạt cũng như đưa ra các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với NCTNPT vẫn còn có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

- Làm rõ một cách khoa học những vấn đề lý luận về NCTN, quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

- Trên cơ sở phân tích các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTNPT và thực trạng quyết định hình phạt đối với NCTNPT tại tỉnh Nam Định để làm sáng tỏ những bất cập trong quyết định hình phạt đối với NCTNPT tại tỉnh Nam Định.

- Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTNPT.



### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra là:

- Nghiên cứu những vấn đề về lý luận liên quan đến quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

- Phân tích các quy định của BLHS năm 1999 liên quan đến quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

- Đánh giá thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTNPT trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Đưa ra những kiến nghị nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay về quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

Thực tiễn áp dụng các quy định này tại tỉnh Nam Định.

### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Về nội dung: nghiên cứu những vấn đề lý luận về NCTNPT, quyết định hình phạt đối với NCTNPT và thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

- Về thời gian: nghiên cứu việc áp dụng quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về quyết định hình phạt đối với NCTNPT từ năm 2011 đến năm 2015.

- Về không gian: nghiên cứu thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTNPT tại địa bàn tỉnh Nam Định.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### ***5.1. Phương pháp luận***

Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu là hệ thống các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về hình phạt và cải

tạo con người, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về pháp luật nói chung, chính sách hình sự nói riêng, đặc biệt là các quan điểm về giáo dục, phòng ngừa tội phạm do NCTN thực hiện.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp phân tích đối chiếu, phương pháp tổng hợp, thống kê, so sánh, phương pháp logic và hệ thống, phương pháp khảo sát.

### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- Về lý luận, kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quyết định hình phạt đối với NCTNPT, từ đó có sự nhận thức thống nhất các quy định của BLHS về quyết định hình phạt đối với NCTNPT. Trang bị cho cán bộ, Thẩm phán và Hội thẩm những kiến thức lý luận về quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

- Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu chỉ ra được những mâu thuẫn, bất cập của các quy định hiện hành về quyết định hình phạt đối với NCTNPT, những sai sót trong quá trình áp dụng các quy định đó cũng như đưa ra nguyên nhân để tìm giải pháp khắc phục.

Đưa ra được hệ thống các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quyết định hình phạt đối với NCTNPT như: nâng cao năng lực của cán bộ làm công tác xét xử, hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTNPT. Đồng thời, luận văn cũng nêu lên những yếu tố ảnh hưởng nhất định ở mức độ khác nhau đối với hoạt động quyết định hình phạt do Thẩm phán và Hội thẩm tiến hành.

- Ngoài ra luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu môn Luật hình sự. Những kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được vận dụng trong công tác lập pháp và hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật liên quan đến NCTNPT ở nước ta hiện nay cũng như độc giả có quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu này.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, Luận văn được kết cấu thành 3 chương:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

**Chương 2:** Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội.

**Chương 3:** Thực tiễn thi hành và các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội.

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

#### 1.1. Những vấn đề chung về người chưa thành niên phạm tội

##### 1.1.1. Khái niệm người chưa thành niên

“Người chưa thành niên” là một khái niệm còn tồn tại nhiều khác biệt giữa các quốc gia và các hệ thống pháp luật, phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi lĩnh vực. Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, đa số các quốc gia đều ghi nhận độ tuổi là tiêu chí để xác định NCTN.

NCTN là một đối tượng đặc biệt, được các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hết sức quan tâm. Nghiên cứu khái niệm NCTN là nghiên cứu về phạm vi các đối tượng được coi là NCTN trong quy định pháp luật quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam hiện hành. Những quy định trong các văn bản pháp luật quốc tế cũng như văn bản pháp luật Việt Nam đã căn cứ vào sự phát triển về thể chất và tinh thần của con người theo độ tuổi để lấy độ tuổi làm ranh giới xác định NCTN và người đã thành niên.

Tại Điều 1 Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 20/11/1989 quy định: “Trong phạm vi Công ước này, trẻ em có nghĩa là người dưới mười tám tuổi, trừ trường hợp pháp luật áp dụng đối với trẻ em có quy định tuổi thành niên sớm hơn” [8, tr.1].

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), lứa tuổi 10 -19 là độ tuổi vị thành niên. Thanh niên trẻ là lứa tuổi 19 - 24 tuổi. Chương trình Sức khỏe sinh sản/ Sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên của Khối Liên minh Châu Âu (EU) và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) lấy độ tuổi 19 - 25 tuổi.

Các văn bản khác như Quy tắc Bắc Kinh (1985), hướng dẫn Riyadh (1990)... cũng đều thống nhất quan điểm quy định NCTN, trẻ em là những người chưa đến 18 tuổi. Trong khi đó, trong một số văn kiện của một số tổ

chức thuộc Liên hợp Quốc như Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) thì quy định trẻ em là những người dưới 15 tuổi.

Ở Việt Nam, do sự điều chỉnh khác nhau mà trong một số văn bản pháp luật chưa có sự thống nhất về lứa tuổi của trẻ em và NCTN. Cụ thể:

Trong Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (được Quốc hội thông qua ngày 15/6/2004) đã quy định: “Trẻ em quy định trong luật này là người Việt Nam dưới 16 tuổi”. [16, tr.1].

BLHS được Quốc hội thông qua ngày 21/12/1999 quy định ở Chương X, NCTN là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Điều 161 Bộ Luật lao động 2012 của nước ta ghi nhận: “Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi”

Điều 18 Bộ Luật dân sự 2005 quy định: “Người từ đủ mười tám tuổi trở lên là người thành niên, Người chưa đủ mười tám tuổi là NCTN”.

Như vậy, có thể thống nhất một quan điểm NCTN là người chưa đủ 18 tuổi. Quan điểm này phù hợp với Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Xét về mọi mặt, NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm sinh lý, trình độ nhận thức còn những hạn chế, khả năng ứng xử các tình huống còn thấp, dễ bị tổn thương, bị kích động, lôi kéo và những hoạt động lệch chuẩn, chưa nhận thức đầy đủ về các chuẩn mực đạo đức, pháp luật. Đặc biệt lứa tuổi từ 14 đến dưới 18 tuổi là lứa tuổi luôn muốn tự khẳng định mình, thích khám phá, mạo hiểm và hiếu thắng, thích sống cuộc sống tự do. Đây cũng là lứa tuổi mà sự tác động từ môi trường gia đình, nhà trường và xã hội có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của con người.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm: “*Người chưa thành niên là người dưới mười tám tuổi*”.

### ***1.1.2. Độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam***

Luật hình sự nước nào cũng quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhưng không phải nước nào cũng giống nhau, điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm của mỗi nước, vào sự phát triển về sinh học của con người ở mỗi quốc gia khác nhau. Ở nước ta, căn cứ vào thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, có tham khảo luật hình sự của các nước khác trên thế giới và trong khu vực, BLHS đã quy định:

Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (Điều 12 BLHS).

Người chưa đủ 14 tuổi, trí tuệ chưa phát triển đầy đủ nên chưa nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội về hành vi của mình, chưa đủ khả năng tự chủ khi hành động nên họ không bị coi là có lỗi về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện. Một hành vi được coi là không có lỗi cũng tức là không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên họ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi được coi là người chưa có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Do đó, họ cũng chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về một số tội phạm theo quy định của pháp luật chứ không chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các tội phạm. theo luật hình sự nước ta thì người từ đủ 14 tuổi trở nên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nghiêm trọng do cố ý (khoản 2 Điều 12 BLHS).

Từ quy định trên cho thấy, một trong những vấn đề quan trọng khi xác định một người phạm tội là NCTN để từ đó quyết định hình phạt và lựa chọn việc áp dụng loại hình phạt nào dựa trên cách tính tuổi của người phạm tội.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì cách tính tuổi theo quy định của

luật hình sự là tính theo tròn tuổi, tuổi đủ, nghĩa là phải đủ ngày, đủ tháng. Ví dụ sinh ngày 01/01/1999 thì đến ngày 01/01/2013 mới đủ 14 tuổi.

Thời hạn tính tuổi người phạm tội khi phạm tội đã thành niên hay chưa được tính từ ngày người phạm tội được sinh ra đến ngày thực hiện hành vi phạm tội. Việc xác định tuổi của người thực hiện tội phạm sẽ căn cứ trên những giấy tờ ghi nhận ngày tháng năm sinh của họ có giá trị pháp lý như: Giấy khai sinh, giấy chứng sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ đăng ký hộ khẩu... của họ. Tuy nhiên, trên thực tế có nhiều trường hợp không xác định được chính xác ngày tháng năm sinh của người phạm tội nên gây nhiều khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Trong trường hợp này, theo Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 12 tháng 07 năm 2011 về *hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là NCTN*, trong đó có hướng dẫn về việc tính tuổi của người phạm tội là NCTN. Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH thì tuổi chịu trách nhiệm hình sự sẽ tính như sau:

- Nếu xác định được tháng cụ thể nhưng không xác định được ngày nào trong tháng đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh của người phạm tội;

- Nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của quý đó làm ngày sinh của người phạm tội;

- Nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong nửa đầu năm hay nửa cuối năm thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc lấy ngày 31 tháng 12 tương ứng của năm đó làm ngày sinh của người phạm tội.

- Nếu không xác định được nửa năm nào, quý nào, tháng nào trong năm thì lấy ngày 31 tháng 12 năm sinh đó làm ngày sinh của người phạm tội.

Trong trường hợp đặc biệt, nếu không xác định được năm sinh của người phạm tội thì trung cầu giám định để xác định tuổi của người phạm tội.

Như vậy, căn cứ vào quy định của Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH thì việc xác định tuổi của người thực hiện tội phạm được thực hiện theo nguyên tắc suy đoán có lợi cho họ.

### ***1.1.3. Khái niệm người chưa thành niên phạm tội***

NCTNPT là thuật ngữ được sử dụng nhiều trong luật Hình sự và Tố tụng hình sự. BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có một chương riêng (chương X): Những quy định đối với NCTNPT. BLTTHS năm 2003 cũng đề cập đến khái niệm NCTNPT trong nhiều quy định của Chương XXXII (Thủ tục tố tụng với NCTN). Tuy nhiên, cho đến nay pháp luật vẫn chưa nêu ra một định nghĩa chính thức về NCTNPT.

Theo GS.TSKH Lê Cẩm và TS. Đỗ Thị Phương thì NCTNPT là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có năng lực TNHS chưa đầy đủ, do hạn chế bởi các đặc điểm tâm sinh lý và đã có lỗi (cố ý hoặc vô ý) trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm [5]. Quan niệm này chủ yếu vẫn nhắc lại quy định của pháp luật và đưa ra khái niệm trên cơ sở độ tuổi của NCTN.

Theo pháp luật Việt Nam hiện nay, người phạm tội là “người có đủ dấu hiệu của chủ thể của tội phạm đã thực hiện hành vi được luật hình sự quy định là tội phạm” [30, tr.36]. Người phạm tội có thể đã hoặc chưa thành niên, trong đó NCTNPT là một dạng đặc thù của người phạm tội nói chung, ranh giới ngăn cách NCTNPT và người thành niên phạm tội là 18 tuổi tròn [39, tr.311]. Người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội và bị coi là tội phạm, họ được xem là những người đã thành niên phạm tội, còn người chưa



đủ 18 tuổi mà thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm thì sẽ được xem là NCTNPT.

Theo Điều 12 BLHS 1999, NCTNPT chỉ bao gồm những người từ đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi. Việc quy định về NCTNPT trong luật Hình sự trước hết có ý nghĩa xác định ranh giới giữa hành vi phạm tội với hành vi không phải là tội phạm do họ thực hiện. Tuy nhiên, không phải tất cả NCTN từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đều bị coi là tội phạm. Luật Hình sự quy định cụ thể, một người nếu chưa đủ 14 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hoặc một người từ đủ 14 nhưng chưa đủ 16 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng hoặc tội rất nghiêm trọng với lỗi vô ý thì đều không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, NCTNPT được quy định trong luật Hình sự chủ yếu nhằm xác định tội phạm đối với hành vi do NCTN thực hiện, hình phạt và các biện pháp tư pháp khác cần áp dụng với NCTNPT cho phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà họ đã thực hiện trên cơ sở những đặc điểm tâm, sinh lí của họ vào thời điểm họ phạm tội. Do đó, NCTNPT có thể là: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm một tội được quy định trong BLHS.

Từ những phân tích trên có thể hiểu NCTNPT là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi thực hiện những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, có lỗi và phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi và lỗi của mình.

## **1.2. Các nguyên tắc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội**

Nguyên tắc quyết định hình phạt là một trong những vấn đề quan trọng của chế định quyết định hình phạt, đó chính là những tư tưởng chỉ đạo trong quá trình xây dựng và áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự để Tòa án

quyết định hình phạt đúng đắn đối với người phạm tội. Các nguyên tắc quyết định hình phạt bao gồm:

- Các nguyên tắc chung: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, nguyên tắc công bằng.

- Các nguyên tắc đặc thù trong quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

### ***1.2.1. Các nguyên tắc chung***

- *Nguyên tắc thứ nhất: Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa*

Pháp chế xã hội chủ nghĩa là việc tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh và triệt để từ các cơ quan nhà nước, tổ chức và công dân. Để xây dựng một nhà nước pháp quyền thì trước tiên và quan trọng hơn hết các cơ quan nhà nước khi tham gia các quan hệ pháp luật phải tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh và trong việc quyết định hình phạt cũng không ngoại lệ. Đối với cơ quan tiến hành tố tụng khi tham gia vào việc giải quyết các vụ án hình sự thì phải triệt để tuân thủ các quy định của pháp luật, trong đó có các quy định của pháp luật hình sự khi thực hiện hoạt động quyết định hình phạt.

Như vậy, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt có thể được hiểu là Tòa án phải tuân thủ nghiêm chỉnh và triệt để các quy định của pháp luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội. Đây là nguyên tắc cực kỳ quan trọng và là tiền đề để áp dụng các nguyên tắc khác vào thực tiễn quyết định hình phạt.

Nguyên tắc pháp chế được thể hiện trong các quy định ở phần chung và phần các tội phạm của BLHS. Trong quy định ở phần chung của BLHS thì nguyên tắc này được thể hiện ở một số nội dung như: “*Chỉ những người phạm tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự*” (Điều 2 BLHS); “*Hình phạt được quy định trong BLHS và do tòa án quyết định*” (Điều 26 BLHS)... Ở quy định của phần các tội phạm, nguyên tắc này thể

hiện ở việc BLHS quy định cụ thể, rõ ràng khung hình phạt cũng như loại hình phạt áp dụng đối với từng loại tội phạm cụ thể.

Phải định tội danh đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc, là điều kiện đầu tiên cho việc quyết định một hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý. Việc định tội danh sai dẫn đến Tòa án quyết định hình phạt không tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của xã hội của hành vi phạm tội và như vậy sẽ vi phạm các nguyên tắc khác như nguyên tắc công bằng, nguyên tắc nhân đạo.

- *Nguyên tắc thứ hai: Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa*

Nhân đạo là đối xử nhân từ, độ lượng, khoan dung đối với con người, chăm lo cho con người, coi con người là vốn quý nhất của xã hội.

Khi quyết định hình phạt, nguyên tắc nhân đạo đòi hỏi Tòa án phải cân nhắc lợi ích của xã hội, của Nhà nước và của người phạm tội trong một tổng thể hài hòa, thống nhất và hợp lý. Nhân đạo xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có thái độ đúng đắn về cả lợi ích của toàn xã hội và Nhà nước lẫn lợi ích của người phạm tội. Vì không thể nói đến nhân đạo khi quyết định hình phạt quá đề cao lợi ích của Nhà nước, của xã hội mà xem thường lợi ích của người phạm tội và ngược lại.

Nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa thể hiện thông qua các nội dung sau:

- Khi quyết định hình phạt, tòa án cân nhắc đến một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm vì lý do nhân đạo như: “... *khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra*” (Điều 3 BLHS). Nguyên tắc này còn được thể hiện thông qua các quy định về quyết định hình phạt trong một số trường hợp đặc biệt như: “... *không áp dụng hình phạt tử hình đối với NCTNPT, phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi khi phạm tội hoặc bị xét xử*” (Điều 35 BLHS).

- Nội dung của nguyên tắc nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong quyết định hình phạt còn thể hiện ngay trong quy định của BLHS về mục đích của hình phạt. Theo quy định tại Điều 27 BLHS thì: “*Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm*”. Mục đích của hình phạt là nhằm cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm chứ không chỉ nhằm mục đích trừng trị hay trả thù người phạm tội. Đối với người phạm tội thì vẫn phải đảm bảo đầy đủ quyền con người cho họ nên khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội phải hướng đến mục tiêu giúp đỡ họ từ bỏ con đường phạm tội chứ không nhằm triệt tiêu, loại trừ họ ra khỏi đời sống xã hội.

Mặc dù hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhưng hệ thống hình phạt nước ta có tính nhân đạo sâu sắc. Điều này thể hiện ở chỗ hệ thống hình phạt trong luật Hình sự Việt Nam có nhiều loại hình phạt không tước tự do. Bên cạnh đó, hệ thống hình phạt không quy định những loại hình phạt mà nội dung của nó khi áp dụng có thể gây đau đớn về thể xác hoặc hạ thấp nhân phẩm con người. Mặt khác, hình phạt tù chung thân và tử hình chỉ áp dụng trong các trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và khi quyết định hình phạt thì Tòa án cũng hạn chế áp dụng hai loại hình phạt này. Hình phạt tù chung thân và tử hình không áp dụng đối với NCTNPT.

Nhằm cụ thể hóa chính sách nhân đạo trong việc xử lý tội phạm, bên cạnh hệ thống hình phạt, BLHS còn quy định hệ thống miễn giảm hình phạt như: Miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 19), các trường hợp miễn trách nhiệm hình sự (Điều 25)...Thông qua các quy định của BLHS về miễn, giảm trách nhiệm hình sự,

thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người như là những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận trong Nhà nước pháp quyền.

*- Nguyên tắc thứ ba: Nguyên tắc cá thể hóa hình phạt*

Cá thể hóa hình phạt là việc từng cá nhân phạm tội cụ thể phải chịu mức hình phạt tương xứng với đặc điểm nhân thân và hành vi phạm tội của mình. Ngay cả trong một vụ án có nhiều bị cáo thì mỗi bị cáo phải chịu hình phạt theo hành vi phạm tội mà người ấy tham gia.

Nội dung của người tác cá thể hóa hình phạt đòi hỏi khi quyết định hình phạt, Tòa án phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từ đó Tòa án sẽ quyết định hình phạt cụ thể đối với từng người phạm tội cụ thể. Bởi vì, cho dù cùng một tội phạm nhưng thủ đoạn, công cụ, phương thức phạm tội, nguyên nhân và điều kiện trong từng trường hợp cụ thể sẽ khác nhau, dẫn đến tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội khác nhau nên hình phạt sẽ khác nhau. Mặt khác, mỗi người phạm tội sẽ có những đặc điểm về nhân thân khác nhau cũng như các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng người phạm tội cũng khác nhau. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với từng người phạm tội cụ thể, Tòa án cần phải căn cứ vào tất cả các yếu tố đó để quyết định hình phạt sao cho hợp lý và phù hợp với tính chất nguy hiểm của từng người phạm tội. Ngoài ra, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt còn được thể hiện khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm. Điều 53 BLHS 1999 quy định: *“Khi quyết định hình phạt đối với người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm”*. Từ đó, trách nhiệm hình sự cũng như quyết định hình phạt đối với từng người đồng phạm cũng khác nhau.

*- Nguyên tắc thứ tư: Nguyên tắc công bằng*

Nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt được hiểu là hình phạt do Tòa án tuyên phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân người phạm tội. Hình phạt càng phù hợp với hành vi phạm tội thì nguyên tắc công bằng càng được thể hiện triệt để.

Nguyên tắc công bằng được thể hiện rõ trong quy định tại Điều 3 BLHS: “*Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội*”. Công bằng không chỉ đặt ra đối với người phạm tội cụ thể mà còn cần được xem xét, đánh giá so với các tội phạm khác và những người phạm tội khác. Trong các quy định ở Phần các tội phạm của BLHS cũng thể hiện rất rõ nguyên tắc công bằng, bởi thông qua Phần các tội phạm nhà làm luật không cào bằng trong việc quyết định hình phạt, xử lý tội phạm mà còn tùy vào hành vi phạm tội sẽ có các chế tài khác nhau. Khi quyết định hình phạt thì loại và mức hình phạt do Tòa án tuyên phải tương xứng với hành vi phạm tội, nghĩa là trong những điều kiện giống nhau, nếu tội phạm càng nguy hiểm thì hình phạt càng nghiêm khắc và ngược lại.

Mặt khác, nguyên tắc công bằng còn đòi hỏi quyết định hình phạt, Tòa án còn phải cân nhắc cả nhân thân người phạm tội và các tính tiết khác có trong vụ án. Hình phạt bao giờ cũng được áp dụng cho từng người phạm tội cụ thể mà họ có nhưng đặc điểm, tính cách, địa vị khác nhau trong xã hội và họ cũng có nguyên nhân, điều kiện thúc đẩy, cách thức thực hiện tội phạm khác nhau.

Như vậy, việc cân nhắc tội đã phạm, đặc điểm nhân thân và các tình tiết khác trong vụ án để đảm bảo tính công bằng theo tinh thần của nguyên tắc này cần phải đặt trong một thể thống nhất biện chứng nghĩa là phải xem xét toàn bộ các tính tiết của vụ án mà không bỏ sót bất cứ các tình tiết nào có liên quan đến hành vi phạm tội. Nếu quá coi trọng một trong các yếu tố sẽ dẫn đến

xem thường các yếu tố còn lại thì không thể có một hình phạt công bằng, thỏa đáng đối với người phạm tội.

### ***1.2.2. Nguyên tắc xử lý đặc thù đối với người chưa thành niên phạm tội***

NCTN là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm sinh lí, chưa thể nhận thức đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện. Nhận thức của họ thường non nớt, thiếu chín chắn và đặc biệt họ dễ bị kích động, lôi kéo bởi những người xung quanh, nếu ở môi trường xấu và không được chăm sóc giáo dục chu đáo, NCTN dễ bị ảnh hưởng thói hư tật xấu dẫn đến phạm pháp. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với NCTNPT thì Tòa án cần phải cân nhắc đến các đặc điểm về tâm sinh lý, các yếu tố gia đình và xã hội để đưa ra những phán quyết xác đáng nhằm bảo đảm quyền lợi của NCTN. Vì vậy, pháp luật hình sự Việt Nam đã quy định các nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT tại điều 69 BLHS. Cụ thể như sau:

- Nguyên tắc thứ nhất:

*“Việc xử lý NCTNPT chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.*

*Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của NCTN, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm”.*

Đây là nguyên tắc cơ bản và bao trùm xuyên suốt toàn bộ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta đối với NCTNPT. Do chưa phát triển và hoàn thiện về các mặt, cho nên không phải bất cứ trường hợp nào NCTN cũng có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tức là khả năng nhận thức của họ chưa đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do mình gây ra. Thêm vào đó, với mục đích là giáo dục giúp NCTN sửa chữa lỗi lầm của mình, luật hình sự Việt Nam đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm

tội, khả năng nhận thức của NCTN về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Chỉ khi làm rõ những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân người phạm tội thì các cơ quan tư pháp và người tiến hành tố tụng mới có thể giúp NCTN nhận thức được những sai lầm để từ đó sẽ đưa ra những giải pháp thích hợp, nhằm cải tạo, giáo dục NCTN có hiệu quả.

- Nguyên tắc thứ hai:

*“NCTNPT có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tính tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục”.*

Đây là nguyên tắc xác định vấn đề miễn trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT. Theo nguyên tắc này, NCTNPT có thể được miễn trách nhiệm hình sự ngoài những trường hợp áp dụng đối với người đã thành niên. Hay nói cách khác, quy định này bổ sung thêm trường hợp miễn trách nhiệm hình sự ngoài các trường hợp được quy định tại Điều 25 BLHS. Điều này thể hiện sự khoan hồng đặc biệt và chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với NCTNPT.

Như vậy, ngoài các trường hợp được quy định tại Điều 25 BLHS thì NCTNPT còn có thể được miễn trách nhiệm hình sự nếu có đáp ứng các điều kiện sau:

+ Phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng: theo quy định tại Điều 8 BLHS thì tội ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù; Ở điều kiện này NCTN phải phạm một tội có mức cao nhất của khung hình phạt là không quá 7 năm tù.

+ Gây hại không lớn nghĩa là hậu quả và tác hại của tội phạm không lớn.

+ Có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.



+ Được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục

- Nguyên tắc thứ ba:

*“Việc truy cứu trách nhiệm hình sự NCTNPT và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tình tiết của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm”.*

Nguyên tắc này bảo đảm cho NCTN vi phạm pháp luật phải được đối xử theo cách thức nhằm nâng cao ý thức của họ về nhân phẩm và giá trị cá nhân để NCTN hội nhập vào xã hội, trên tinh thần hạn chế việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN vi phạm pháp luật được quy định trong các Công ước của Liên Hợp Quốc. Chỉ trong trường hợp cần thiết thì cơ quan tiến hành tố tụng mới truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với NCTNPT. Nếu xét thấy không thực sự cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp khác như xử lý hành chính, miễn trách nhiệm hình sự...

Trường hợp cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTN thì không có nghĩa là phải áp dụng hình phạt đối với họ mà có thể áp dụng các biện pháp tư pháp và thậm chí miễn cả hình phạt cho NCTNPT nếu đáp ứng được các quy định của pháp luật. Điều này thể hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là dành tất cả những gì tốt nhất cho NCTN và cũng nhằm hạn chế việc thực hiện cưỡng chế hình sự của Nhà nước ta.

Đưa NCTN ra xét xử và áp dụng hình phạt đối với họ chỉ trong những trường hợp phạm tội có tính chất và mức độ nguy hiểm cao cho xã hội, có ý thức phạm tội sâu sắc và xét thấy các biện pháp giáo dục, tác động khác của xã hội không đạt được mục đích giáo dục, cải tạo. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự không chỉ căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội mà còn phải tính đến các đặc điểm về nhân thân, địa vị xã hội, tâm sinh lý, các tình tiết giảm nhẹ khác.

- Nguyên tắc thứ tư:

*“Khi xét xử, nếu thấy không cần thấy phải áp dụng hình phạt đối với NCTNPT, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này”*

Theo nguyên tắc này, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT chỉ được đặt ra khi nó thật sự cần thiết, việc xử lý hình sự đối với NCTN chỉ là biện pháp cuối cùng khi các biện pháp xử lý khác của Nhà nước không còn hiệu quả. Trong trường hợp có những biện pháp xử lý khác khoan hồng mà không cần áp dụng hình phạt đối với NCTNPT thì ưu tiên áp dụng các biện pháp này. Đây là các biện pháp mang tính giáo dục và nếu được áp dụng các biện pháp này thì người phạm tội không phải mang án tích. Do đó, biện pháp này được Tòa án khuyến khích áp dụng khi xét đến tính chất hành vi phạm tội, những đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các biện pháp tư pháp quy định tại Điều 70 BLHS bao gồm giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng là những biện pháp được áp dụng riêng đối với NCTNPT và có tác dụng thay thế hình phạt. Khi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NCTNPT, Tòa án có thể chỉ cần áp dụng các biện pháp tư pháp nếu các biện pháp này đáp ứng được các yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

- Nguyên tắc thứ năm:

*“Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với NCTNPT.*

*Khi áp dụng hình phạt đối với NCTNPT cần hạn chế áp dụng hình phạt tù. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho NCTNPT được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội tương ứng.*

*Không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTNPT ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến 16 tuổi.*

*Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTNPT”.*

Đây là nguyên tắc thể hiện tính nhân đạo sâu sắc trong chính sách pháp luật của Nhà nước ta là không áp dụng hình phạt tù chung thân, tử hình đối với NCTNPT. Quy định này không những thể hiện tính nhân đạo trong quyết định hình phạt đối với NCTNPT, mà còn phù hợp với xu hướng chung của thế giới là hạn chế áp dụng và từng bước tiến tới bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình.

Nhằm tăng cường khả năng áp dụng các hình phạt không phải là hình phạt tù cũng như hạn chế áp dụng hình phạt tù, BLHS 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 đã bổ sung quy định *“khi áp dụng hình phạt đối với NCTNPT cần hạn chế áp dụng hình phạt tù”* để mở ra khả năng cho NCTN tự cải tạo, giáo dục để trở thành người có ích cho xã hội. BLHS quy định về bốn loại hình phạt có thể được áp dụng đối với NCTNPT tại Điều 71 BLHS, trong đó chỉ có một hình phạt tước tự do là hình phạt tù có thời hạn. Nguyên tắc này thể hiện chủ trương của Nhà nước ta là hạn chế tối đa việc tước tự do đối với NCTNPT mà luôn tạo điều kiện thuận lợi để họ có thể trở về với gia đình, được nhận sự giáo dục, chăm sóc từ gia đình để cải tạo thành con người có ích cho xã hội. Chủ trương này rất hợp lý bởi vì môi trường gia đình chính là nơi tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của NCTN và đây cũng chính là nơi mà NCTN được hưởng các quyền như sống chung với cha mẹ, quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng từ người thân trong gia đình.

Việc quy định không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTNPT ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi là điểm mới so với quy định của BLHS 1985. Đồng thời phù hợp với thực tiễn đời sống kinh tế của người phạm tội và thực tiễn xã hội Việt Nam. Bởi lẽ, NCTN ở độ tuổi từ đủ 14 đến 16 tuổi còn phải sống phụ thuộc vào gia đình, chưa thể có kinh tế độc lập.

- Nguyên tắc thứ sáu:

*“Án đã tuyên đối với NCTNPT khi chưa đủ 16 tuổi, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”.*

Theo quy định tại Điều 49 BLHS, tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do vô ý. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm: Đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý.

Như vậy, nguyên tắc án đã tuyên đối với NCTNPT khi chưa đủ 16 tuổi thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đã khẳng định người chưa đủ 16 tuổi phạm tội là: “không nguy hiểm cho xã hội” mặc dù hành vi do họ thực hiện trên thực tế có thể là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Nguyên tắc này thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước khi xử lý NCTN vi phạm pháp luật, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho các em.

Thời hạn xóa án tích đối với NCTN bằng  $\frac{1}{2}$  thời hạn so với người đã thành niên. NCTNPT được áp dụng các biện pháp như giáo dục tại xã phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng thì không bị coi là mang án tích.

Tóm lại, những quy định tại Điều 69 và Chương X của BLHS đã thể hiện sâu sắc tính nhân đạo trong chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, phù hợp với tư tưởng thống nhất xuyên suốt là lấy giáo dục, phòng ngừa làm mục đích trung tâm trong mọi hoạt động tổ tụng của các cơ quan tư pháp mà bị can, bị cáo là NCTN. Đồng thời các nguyên tắc này cũng phù hợp với các yêu cầu của Công ước Quốc tế về quyền trẻ em đã được Nhà nước ta ký kết và tham gia. Điều đó góp phần khuyến khích NCTNPT tích cực cải tạo, giáo dục và sửa chữa sai lầm để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

## **Kết luận Chương 1**

Vấn đề NCTNPT là một vấn đề được các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đặc biệt quan tâm. Trong các văn bản pháp luật Việt Nam đã căn cứ vào sự phát triển về thể chất và tinh thần của con người theo độ tuổi để lấy độ tuổi làm ranh giới xác định NCTN và người đã thành niên.

Nghiên cứu các đặc điểm tâm sinh lý của NCTNPT trong mối quan hệ biện chứng giữa các yếu tố như: độ tuổi, môi trường tác động cho thấy nguyên nhân và điều kiện để hành vi phạm tội của NCTN chủ yếu bắt nguồn từ việc do NCTN đang trong quá trình hoàn thiện nhận thức nên dễ chịu tác động và ảnh hưởng của môi trường xã hội cả yếu tố tích cực lẫn yếu tố tiêu cực. Những thiếu sót, bất cập trong việc nuôi dưỡng, giáo dục, tổ chức quan hệ xã hội của người lớn như: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu thốn, gia đình không hạnh phúc, bỏ học sớm, bạn bè là những thành phần không tốt, thêm vào đó không được chăm sóc, giáo dục chu đáo nên họ dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội. Điều này đặt ra một đòi hỏi hết sức chính đáng của NCTNPT cần có sự quan tâm và bảo trợ đặc biệt của gia đình, nhà trường, xã hội và pháp luật. Sự bảo trợ đặc biệt này không chỉ cần thiết khi NCTN là chủ thể của các hành vi phạm tội, mà ngay cả khi họ là đối tượng bị tội phạm xâm hại. Quan điểm chủ đạo của Nhà nước ta không cho phép pháp luật áp đặt lên nhóm NCTNPT các biện pháp cưỡng chế có tính nghiêm khắc ngang bằng như đối với người đã thành niên.

Xuất phát từ các đặc trưng trên đây cùng với việc tuân thủ nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật hình sự, BLHS năm 1999 đã quy định các vấn đề về trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với NCTNPT thành một chương riêng là chương X, từ Điều 68 đến Điều 77 với chính sách hình sự khoan hồng đặc biệt.

## CHƯƠNG 2

### QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

#### 2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội

*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong BLHS, do Tòa án áp dụng nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội (Điều 26 BLHS 1999).*

Với tính chất là một trong những biện pháp cưỡng chế của Nhà nước, khi quy định và áp dụng hình phạt thì Nhà nước cũng mong muốn đạt đến một kết quả nhất định trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, quy định tại Điều 27 BLHS đã xác định cụ thể mục đích của hình phạt là: *“Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm”*.

Như vậy, khi áp dụng hình phạt, Tòa án cần phải đảm bảo mục đích phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng với mục đích chính là cải tạo, giáo dục người phạm tội. Điều 28 BLHS quy định hệ thống hình phạt bao gồm bảy hình phạt chính và bảy hình phạt bổ sung, trong đó có những hình phạt có tính nghiêm khắc rất cao như tước bỏ những quyền thiết thân nhất của con người, kể cả quyền được sống. Tuy nhiên, do NCTNPT là những người chưa phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần nên việc áp dụng các hình phạt có tính cưỡng chế nghiêm khắc quá cao không phải là một lựa chọn hợp lý. Do đó, không phải tất cả các hình phạt được quy định trong BLHS đều có thể được áp dụng đối với NCTNPT mà sẽ có những hình phạt được áp dụng và những hình phạt không được áp dụng đối với họ.

### ***2.1.1. Các hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội***

Trong những trường hợp thực sự cần thiết phải áp dụng đối với NCTNPT, mức hình phạt áp dụng đối với NCTNPT bao giờ cũng nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội có cùng tính chất và mức độ nguy hiểm.

Theo quy định tại Điều 71 BLHS NCTNPT chỉ được áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm: Cảnh cáo; Phạt tiền; Cải tạo không giam giữ; Tù có thời hạn.

#### *- Hình phạt cảnh cáo*

Cảnh cáo là loại hình phạt nhẹ nhất được quy định trong BLHS, thể hiện sự khiển trách công khai của Nhà nước đối với người phạm tội. Trong Chương X của BLHS, nhà làm luật không quy định các quy tắc riêng khi áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với NCTN nên chúng ta hiểu điều kiện áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với NCTNPT giống như điều kiện áp dụng loại hình phạt này đối với người đã thành niên. Theo quy định tại Điều 29 BLHS, hình phạt cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 12 BLHS, người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về những tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng do vô ý. Từ đó ta có thể suy ra hình phạt cảnh cáo không áp dụng đối với NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. NCTN từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng có thể được áp dụng hình phạt cảnh cáo.

Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, khi NCTN từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hoặc đặc biệt nghiêm trọng, nếu có đủ điều kiện áp dụng Điều 47 BLHS để chuyển sang một khung hình phạt liền kề nhẹ hơn và trong khung hình phạt liền kề đó có quy định hình phạt cảnh cáo thì chúng ta vẫn có thể áp dụng loại hình phạt này đối với họ.

#### *- Hình phạt tiền*

BLHS năm 1999 loại trừ áp dụng đối với NCTNPT chưa đủ 16 tuổi. Về điều kiện áp dụng, Điều 72 quy định như sau: *“Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với NCTNPT từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng”*. Theo đó, việc áp dụng hình phạt tiền với NCTNPT phải thỏa mãn ba điều kiện:

- Điều luật quy định về tội mà người đó phạm phải có hình phạt tiền với tư cách là hình phạt chính;

- Người đó phạm tội khi đã đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;

- Người đó có thu nhập hoặc tài sản riêng.

Như đã phân tích ở trên, sở dĩ BLHS chỉ cho phép áp dụng hình phạt tiền với người đủ 16 tuổi trở lên vì tương thích với quy định của luật lao động về tuổi tham gia hợp đồng lao động là đủ 15 tuổi. Tuy nhiên, không phải mọi người đến tuổi này đều thực tế có lao động, có thu nhập hay tài sản nên bên cạnh điều kiện về độ tuổi, luật còn quy định điều kiện *“có tài sản, thu nhập riêng”*. Chỉ có như vậy thì NCTNPT bị tuyên phạt tiền mới có khả năng thi hành hình phạt. Ngoài ra, thể hiện chính sách khoan hồng với NCTNPT, Điều luật cũng quy định mức phạt tiền giảm nhẹ so với người thành niên phạm tội. Đoạn 2 Điều 72 BLHS quy định: *“Mức phạt tiền đối với NCTNPT không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định”*.

- *Cải tạo không giam giữ*

Cải tạo không giam giữ là hình phạt không buộc người bị kết án phải cách ly khỏi xã hội, họ vẫn được chung sống trong gia đình, xã hội nhưng phải chịu sự quản lý, giám sát rất chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi người đó đang cư trú, học tập và làm việc. Được áp dụng hình phạt này là điều kiện thuận lợi giúp người phạm tội tự tái hòa nhập cộng đồng. Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTNPT còn bảo đảm mục đích chủ yếu trong việc xử lý NCTNPT là nhằm giáo dục, giúp



đỡ họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội.

Chương X BLHS năm 1999 không quy định riêng điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTNPT, mà Điều 73 chỉ quy định giảm nhẹ thời hạn áp dụng, giới hạn trong mức không quá một phần hai so với thời hạn luật định. Do đó, điều kiện áp dụng hình phạt này đối với NCTNPT cũng tuân thủ quy định chung ở Điều 31 về cải tạo không giam giữ. Theo đó, việc áp dụng hình phạt này đối với NCTNPT cần đáp ứng ba điều kiện:

*Thứ nhất*, tội mà NCTN đã phạm là tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng. Vì vậy, nên hình phạt này chỉ áp dụng đối với người phạm tội ở độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi (người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội ít nghiêm trọng cũng như tội nghiêm trọng).

*Thứ hai*, NCTNPT đó có nơi cư trú, học tập và làm việc rõ ràng.

*Thứ ba*, đối với NCTNPT này không nhất thiết phải cách ly khỏi xã hội mà vẫn đạt được mục đích giáo dục và phòng ngừa.

Bên cạnh quy định giảm nhẹ thời hạn cải tạo không giam giữ đối với NCTNPT, Điều 73 còn quy định không khấu trừ thu nhập của NCTN như trường hợp người đã thành niên bị áp dụng hình phạt này. Điều 31 quy định người bị cải tạo không giam giữ sẽ bị khấu trừ thu nhập từ 5% đến 20% để sung công quỹ Nhà nước nhưng Điều 73 đã loại trừ việc áp dụng biện pháp này đối với NCTNPT. Quy định như vậy là hợp lý vì họ là những người trong độ tuổi còn được cấp dưỡng, kinh tế phụ thuộc vào gia đình là chủ yếu, nếu có tham gia lao động, sản xuất thì chủ yếu do gia cảnh bắt buộc và thu nhập của họ cũng không đáng kể. Do đó, việc khấu trừ thu nhập đối với NCTN phần lớn là không có tính khả thi hoặc tước đoạt điều kiện sống tối thiểu của họ.

Nói chung, cải tạo không giam giữ là một hình phạt phù hợp và hiệu quả để áp dụng đối với NCTNPT như đã nêu trên. Tuy nhiên do Chương X

không quy định riêng về căn cứ áp dụng hình phạt này nên việc tuân thủ điều kiện trong quy định chung ở Điều 31 đã loại bỏ cơ hội được áp dụng hình phạt này của người phạm tội từ đủ 14 đến chưa đủ 16 tuổi. Trong khi đó, hơn những đối tượng khác, người dưới 16 tuổi là trẻ em và càng cần được xử lý bằng biện pháp không cách ly khỏi gia đình, xã hội. Đây chính là điểm bất hợp lý trong quy định về cải tạo không giam giữ đối với NCTNPT.

*- Tù có thời hạn*

Hình phạt tù có thời hạn là hình phạt buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một khoản thời gian nhất định, cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội để trừng phạt, giáo dục họ và ngăn ngừa họ phạm tội mới. Đây là hình phạt nghiêm khắc nhất trong hệ thống hình phạt áp dụng đối với NCTNPT. Hình phạt này tước đoạt tự do của người phạm tội, tách họ ra khỏi môi trường gia đình, xã hội nên có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển, hoàn thiện nhân cách của NCTN. Chính vì vậy, theo nguyên tắc quy định ở Điều 69 thì hình phạt tù bị hạn chế áp dụng đối với NCTNPT. Điều 74 quy định chỉ áp dụng tù có thời hạn trong trường hợp tội mà NCTNPT phải bị áp dụng hình phạt này hoặc áp dụng để thay thế hình phạt tù chung thân, tử hình.

Mức áp dụng hình phạt tù có thời hạn được Điều 74 quy định với chính sách phân hóa hai nhóm NCTNPT theo lứa tuổi:

+ Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười tám năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;

+ Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù; nếu là tù có thời

hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

Việc phân hóa mức hình phạt áp dụng đối với NCTNPT ở hai lứa tuổi khác nhau như vậy nhất quán với với chính sách hình sự đã thể hiện ở quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự của Bộ luật. Người chưa đủ 16 tuổi được coi là trẻ em, có trình độ nhận thức non kém hơn so với người đủ 16 tuổi trở lên nên cần được áp dụng hình phạt ở mức giảm nhẹ hơn. Lứa tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên được BLHS xác định phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm nghĩa là luật Hình sự coi họ có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, buộc phải nhận thức được và chịu trách nhiệm hoàn toàn về hành vi của mình. Do họ vẫn là NCTN nên luật cũng cho họ hưởng mức hình phạt giảm nhẹ nhưng không nhẹ bằng mức đối với người chưa đủ 16 tuổi.

Như vậy, mặc dù chính sách phân hóa hợp lý nhưng cách quy định của Điều 74 BLHS lại chưa thật hợp lý. Điều luật này sử dụng những căn cứ như: “...nếu Điều luật được áp dụng có quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình” hoặc “... không quá ba phần tư mức phạt tù mà Điều luật quy định” hoặc “...không quá một phần hai mức phạt tù mà Điều luật quy định” gây gây ra sự hiểu nhầm trong áp dụng. Trong một điều luật thực tế có thể có nhiều khung (khoản) hình phạt khác nhau và mong muốn của các nhà làm luật, cũng như sự hợp lý đương nhiên phải là giảm nhẹ hình phạt cho NCTN trong phạm vi khung hình phạt được áp dụng. Tuy nhiên, theo cách quy định ở đây thì không cần quan tâm khung (khoản) hình phạt cụ thể đáng lẽ phải áp dụng đối với NCTN mà chỉ cần Điều luật được áp dụng có quy định hình phạt này tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình dùng cách tính giảm nhẹ ở Điều 74 Bộ luật này để xác định hình phạt đối với họ.

Ví dụ: Một bị cáo tròn 15 tuổi khi phạm tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 BLHS năm 1999. Tội cướp tài sản có quy định hình phạt tù chung thân, tử hình. Nếu vận dụng đúng theo cách diễn đạt của đoạn 1 khoản 2 Điều

74 thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng cho bị cáo không quá 12 năm tù trong khi đó mức cao nhất của khoản 1 Điều 133 chỉ là 10 năm tù. Như vậy, áp dụng quy định giảm nhẹ lại làm cho mức hình phạt đối với bị cáo cao hơn cả khi không cần giảm nhẹ. Thực chất các vận dụng đúng ở đây phải là vận dụng đoạn 2 khoản 2 Điều 74 vì bị cáo phạm tội theo Điều 133 khoản 1 và điều 133 khoản 1 quy định hình phạt áp dụng cho bị cáo là tù có thời hạn. Theo đó, mức hình phạt cao nhất mà Tòa án tuyên cho bị cáo không được quá 5 năm tù - tức là không quá một phần hai mức cao nhất của khoản 1 Điều 133. Có như vậy thì hình phạt áp dụng cho bị cáo mới được giảm nhẹ hơn hẳn so với người đã thành niên phạm tội.

Tương tự như vậy, đối với trường hợp điều luật được áp dụng có quy định hình phạt tù nhưng nhiều khung khác nhau mà theo quy định của Điều 74 BLHS thì cứ xác định hình phạt đối với NCTNPT không quá ba phần tư hoặc không quá một phần hai mức hình phạt tù cao nhất mà điều luật quy định.

Ví dụ: Bị cáo 17 tuổi phạm tội bắt, giữ người trái quy định ở khoản 2 của Điều 123 BLHS. Hành vi phạm tội ở khoản 2 này phải chỉ phải chịu hình phạt tù từ 01 đến 5 năm nhưng Điều 123 có quy định hình phạt tù đến 10 năm ở khoản 3. Nếu áp dụng khoản 1 Điều 74 tuyên người đó *“không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định”* thì nghĩa là tuyên phạt không quá 7 năm 6 tháng tù - ba phần tư của 10 năm tù. Trong khi không áp dụng quy định giảm nhẹ, cứ áp dụng đúng khoản 2 Điều 123 thì người đó cũng chỉ chịu tối đa mức phạt 5 năm tù. Tuy rằng trong thực tế, các Tòa án đã không áp dụng nội dung quy định đúng như cách diễn đạt của Điều 74 hiện nay thể hiện mà vẫn vận dụng để quyết định hình phạt đối với NCTNPT theo hướng giảm nhẹ so với khung hình phạt tương ứng được áp dụng. Do vậy, xét về mặt nguyên tắc, Điều 74 có hiệu lực bắt buộc phải tuân thủ mà nếu tuân thủ đúng những gì nó quy định lại không nhất quán với chính sách hình sự riêng dành cho NCTNPT và gây thiệt thòi cho họ, mất đi tác dụng giáo dục, cải tạo.

Ngoài các hình phạt kể trên trong trường hợp không áp dụng hình phạt thì có thể áp dụng biện pháp tư pháp.

Điều 70 BLHS chỉ áp dụng riêng cho NCTN là: Giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quy định mới thay cho biện pháp buộc phải thử thách ở BLHS năm 1985. Điều kiện áp dụng chung của các biện pháp tư pháp này là: *“nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt”* (khoản 4 Điều 69). Việc cần thiết hay không cần thiết áp dụng hình phạt lại được xem xét căn cứ trên các yếu tố: tính chất của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm (khoản 3 Điều 69).

Đối với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Điều 70 BLHS chỉ quy định thời hạn áp dụng là một đến hai năm với điều kiện áp dụng là NCTN phạm vào tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng. Nếu chỉ dựa trên điều kiện đó mà quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với NCTNPT thì thực sự chưa đạt yêu cầu. Việc tiến hành giáo dục, cải tạo người phạm tội ngay tại môi trường sống thân thuộc của họ đúng là rất tốt cho sự phát triển bình thường của NCTN nhưng nó chỉ có hiệu quả thực sự khi kèm theo các điều kiện như: người phạm tội có nhân thân tốt; có thái độ ăn năn, hối cải, thành khẩn; có nơi cư trú ổn định; có môi trường sống thuận lợi cho việc giáo dục và cải tạo; được gia đình, nhà trường hoặc tổ chức xã hội nhận quản lý, giáo dục. Nếu không đáp ứng những điều kiện này mà vẫn áp dụng thì có thể không thực thi được, thậm chí phản tác dụng, tăng nguy cơ tái phạm ở NCTNPT. Do đó, có thể nói rằng điều kiện áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hiện nay trong BLHS quy định chưa chặt chẽ.

Đối với biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, ngoài điều kiện chung là *“thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt”* thì điều kiện áp dụng riêng mà khoản 3 Điều 70 quy định là: *“do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào một*

*tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ*". Tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội ở đây không được quy định rõ, cũng không có đòi hỏi cụ thể là phải thuộc loại tội phạm nào nên về mặt logic có thể áp dụng tất cả các trường hợp phạm tội nghiêm trọng, ít nghiêm trọng, hoặc rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, xét từ điều kiện chung là áp dụng trong trường hợp "*không cần thiết phải áp dụng hình phạt*" nên có lẽ không thể áp dụng người phạm tội rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng được. Vậy nên, tính nghiêm trọng ở đây phải hiểu là không nghiêm trọng đến mức phải áp dụng hình phạt nhưng đủ nghiêm trọng để phải đưa vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ. Ngoài ra, việc cân nhắc áp dụng được xem xét đồng thời với các điều kiện khác là: nhân thân người phạm tội và môi trường sống của họ. Sẽ có căn cứ quyết định đưa người đó vào trường giáo dưỡng nếu những yếu tố này phản ánh tình trạng không thuận lợi cho việc tự giáo dục, cải tạo NCTNPT. Tuy nhiên, cả hai biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng đều được quy định là "*có thể*" áp dụng chứ không nhất thiết phải áp dụng khi đáp ứng điều kiện luật định. Tính tùy nghi đó khiến cho hai biện pháp tư pháp trở nên kém hiệu lực thực tế.

### ***2.1.2. Các hình phạt không được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội***

*- Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với NCTNPT.*

Xuất phát từ nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội, việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với NCTNPT chỉ thực hiện trong trường hợp thực sự cần thiết và phải xem xét đến khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của họ, nguyên nhân và điều kiện phạm tội. Một số loại hình phạt đặc biệt nghiêm khắc trong BLHS mang nặng tính trừng trị hơn giáo dục như hình phạt tù chung thân hoặc tử hình thì không được áp dụng đối với NCTNPT. Việc áp dụng các hình phạt

này không đạt được mục đích “*giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội*” (khoản 1 Điều 69 BLHS). Vì vậy, khoản 5 Điều 69 BLHS quy định: “*Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với NCTN phạm tội*”.

- *Không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTNPT ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi.*

Hầu hết NCTN ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi không có thu nhập và tài sản riêng, chưa có khả năng lao động, sống phụ thuộc vào gia đình. Việc quy định hình phạt tiền đối với nhóm đối tượng này là không khả thi, không đạt được mục đích của hình phạt, đồng thời còn là gánh nặng không đáng có cho gia đình người phạm tội, ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình cải tạo, giáo dục người phạm tội. Điều 69 BLHS quy định: “*Không áp dụng hình phạt tiền đối với NCTNPT ở độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

- *Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội*

Mục đích của việc quy định và áp dụng hình phạt bổ sung đối với người phạm tội là hỗ trợ cho hình phạt chính nhất là trong việc ngăn ngừa người bị kết án phạm một tội mới. Do đặc điểm tâm, sinh lý và nhận thức của NCTN, việc áp dụng hình phạt bổ sung không những không đạt được mục đích của hình phạt này mà còn trở thành gánh nặng tâm lý và ảnh hưởng xấu đến khả năng cải tạo, giáo dục và tái hòa nhập cộng đồng của NCTN. Vì vậy, BLHS 1999 quy định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với NCTN phạm tội.

## **2.2. Quy định chung về căn cứ quyết định hình phạt**

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội nói chung và đối với NCTNPT nói riêng phải áp dụng đầy đủ và đúng các căn cứ quy định tại Điều 45 BLHS.

### **2.2.1. Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự**

Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào các quy định ở Phần chung BLHS năm 1999 có liên quan đến quyết định hình phạt như:

- Quy định về các nguyên tắc xử lý (Điều 3) bao gồm những nguyên tắc cơ bản mà khi xử lý người phạm tội Tòa án phải tuân theo.

- Các quy định liên quan đến hình phạt như: Khái niệm về hình phạt (Điều 26), mục đích của hình phạt (Điều 27), các loại hình phạt, nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng các loại hình phạt (Từ Điều 28 đến Điều 40).

- Quy định về các tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Điều 46), tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 48), tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 49), quyết định hình phạt trong các trường hợp đặc biệt (Điều 47, Điều 50, Điều 51 và Điều 53), án treo (Điều 60), miễn hình phạt (Điều 54)...[29, tr.266].

Trong trường hợp quyết định hình phạt đối với NCTNPT, ngoài các căn cứ trên thì Tòa án phải căn cứ vào những quy định tại Chương X BLHS năm 1999. Trong trường hợp có sự xung đột giữa các quy định của Chương X với các quy định của các Chương khác thì phải áp dụng quy định của Chương X BLHS: “Người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Phần chung Bộ luật không trái với những quy định của Chương này” (Điều 68 BLHS).

Ngoài ra, Tòa án cần phải căn cứ vào các quy định trong phần các tội phạm của BLHS về khung hình phạt chính và hình phạt bổ sung của từng loại tội để lựa chọn loại và mức hình phạt đúng đắn.

Căn cứ vào quy định của BLHS cho phép Tòa án xác định khung hình phạt được áp dụng để lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể.

Như vậy, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào tất cả các quy định của BLHS có liên quan đến việc quyết định loại, mức hình phạt cho từng trường hợp tội phạm cụ thể. Căn cứ vào quy định của BLHS là căn cứ đầu tiên, cơ bản nhất và vì thế căn cứ này có vai trò rất quan trọng. Nó là cơ sở đầu tiên đảm bảo vận dụng đúng các căn cứ còn lại và cũng là đòi hỏi quan trọng của nguyên tắc pháp chế khi quyết định hình phạt.



### ***2.2.2. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội***

Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đã được nhà làm luật sử dụng làm căn cứ chủ yếu khi quy định tội phạm, loại hình phạt và khung chế tài đối với từng tội phạm cụ thể. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Tòa án bắt buộc phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội.

Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm phụ thuộc và các yếu tố sau:

- Tính chất của các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại: Quan hệ xã hội càng quan trọng thì thể hiện tính nguy hiểm càng cao và ngược lại.

- Tính chất và mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra: Hậu quả do hành vi phạm tội gây ra hoặc đe dọa gây ra càng lớn thì phản ánh tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội càng cao. Trong những điều kiện khác nhau, hậu quả gây ra là khác nhau và theo đó, mức hình phạt cũng phải khác nhau. Hậu quả gây ra có thể là những thiệt hại về thể chất, vật chất hoặc tinh thần.

- Hình thức lỗi và mức độ lỗi: Thông thường, tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý sẽ nguy hiểm hơn so với những tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp sẽ nguy hiểm so với lỗi cố ý gián tiếp. Người phạm tội càng nhận thức rõ về hành vi phạm tội của họ thì mức độ nguy hiểm càng lớn.

- Về động cơ, mục đích phạm tội: Có những động cơ phạm tội làm tăng mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội như động cơ đê hèn, nhưng cũng có động cơ phạm tội làm cho mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội giảm đi như phòng vệ chính đáng.

- Phương pháp, thủ đoạn thực hiện tội phạm, công cụ, phương tiện phạm tội, hoàn cảnh phạm tội...Nếu phương pháp và thủ đoạn càng xảo quyệt, tinh vi thì phản ánh mức độ nguy hiểm càng lớn.

- Các tình tiết nhân thân của người phạm tội cụ thể phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục cũng như hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội nên cũng ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

- Ngoài ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng có ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi.

Do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nên khi quyết định hình phạt cụ thể cần xem xét một cách toàn diện để đưa ra một hình phạt tương xứng vừa đáp ứng yêu cầu giáo dục cải tạo vừa đủ tính răn đe, phòng ngừa chung. Có như thế mới có quyết định hình phạt đúng pháp luật và công bằng. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội để quyết định hình phạt là một biểu hiện của nguyên tắc cá thể hóa hình phạt.

Khi căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội để quyết định hình phạt đối với NCTNPT cần chú ý NCTNPT thường có năng lực nhận thức ý nghĩa xã hội của hành vi hạn chế. Trên thực tế, không phải mọi trường hợp NCTN thực hiện hành vi phạm tội đều nhận thức đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Vì thế, việc xem xét mức độ nhận thức của NCTN đối với chính hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ gây ra là rất cần thiết.

### ***2.2.3. Căn cứ vào nhân thân người phạm tội***

Nhân thân người phạm tội là toàn bộ các yếu tố về tự nhiên và xã hội có liên quan đến người phạm tội bao gồm: Tuổi đời, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, thành tích, kỷ luật, lịch sử bản thân, hoàn cảnh gia đình... Các yếu tố về thân thân người

phạm tội được thể hiện trong lý lịch bị can, bị cáo và các tài liệu khác có liên quan đến nhân thân người phạm tội.

Nhân thân người phạm tội không những phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà còn phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục người phạm tội cũng như hoàn cảnh đặc biệt của họ.

Những đặc điểm nhân thân có liên quan đến việc quyết định hình phạt thường được cân nhắc, xem xét gồm:

- Những đặc điểm về nhân thân người phạm tội có ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, thông qua đó ảnh hưởng đến mức độ lỗi của người phạm tội, đó là những đặc điểm mà khi có nó người phạm tội sẽ làm tăng hoặc giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm như: Người phạm tội có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình, phạm tội do lạc hậu, lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội...

- Những đặc điểm về nhân thân người phạm tội phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục họ như: Người phạm tội tự thú, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, lập công chuộc tội, thái độ ăn năn hối cải, tái phạm, tái phạm nguy hiểm...

- Những đặc điểm về nhân thân người phạm tội phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của họ. Tòa án phải xem xét khi quyết định hình phạt để đảm bảo hình phạt đã tuyên có tính thực tế, phù hợp với chính sách của Nhà nước cũng như đáp ứng được mục đích của hình phạt như: Người phạm tội là người già, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, NCTN, người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, học tập, chiến đấu...

Khi quyết định hình phạt đối với NCTNPT, ngoài những đặc điểm nhân thân cần xem xét như trên, những đặc điểm khác cũng cần được cân nhắc, đánh giá là: NCTNPT đó có bị người đã thành niên xúi giục không? Họ còn đi học hay đã bỏ học? Hoàn cảnh gia đình như thế nào... Đây là những

tình tiết khách quan có tác động rất lớn đến khả năng cải tạo, giáo dục NCTNPT.

#### ***2.2.4. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự***

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các tình tiết không có ý nghĩa về mặt định tội, định khung hình phạt mà chỉ có tác dụng làm tăng hoặc giảm mức độ trách nhiệm hình sự trong phạm vi một khung hình phạt nhất định. Vì tình tiết định tội là cơ sở để xác định tội danh, tình tiết định khung là cơ sở để xác định khung hình phạt cụ thể, còn tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ là một trong những căn cứ để quyết định loại và mức hình phạt cụ thể trong phạm vi khung hình phạt đã xác định của một tội phạm.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cụ thể được quy định tại điều 46 và Điều 48 BLHS 1999. Tuy nhiên, pháp luật hình sự không quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ảnh hưởng thế nào đối với mức độ quyết định hình phạt. Vì thế, ý nghĩa từng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tùy thuộc vào từng vụ án cụ thể, từng người phạm tội cụ thể. Cũng vì lẽ đó, Tòa án có vai trò rất quan trọng trong việc đánh giá, cân nhắc các tình tiết này. Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải đánh giá các tình tiết có ảnh hưởng thế nào đối với việc quyết định hình phạt. Hay nói cách khác, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem là một trong những căn cứ quyết định hình phạt.

Trong trường hợp quyết định hình phạt trên thực tế, thông thường Tòa án xem tình tiết NCTNPT là một căn cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đặc biệt so với người đã thành niên phạm tội.

Tuy nhiên, có một số tình tiết nếu là người đã thành niên phạm tội thì không được áp dụng nhưng đối với NCTN thì lại được áp dụng. Ví dụ: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS thì chỉ người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thì mới được coi là tình tiết giảm nhẹ, nhưng đối với NCTNPT thì bố, mẹ, người thân của người phạm tội

tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS. Ngược lại, có những tình tiết đối với người đã thành niên phạm tội thì được áp dụng còn đối với NCTNPT thì không được áp dụng, nhất là đối với các tình tiết tăng nặng. Ví dụ: tình tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm thì không được áp dụng đối với NCTN chưa đủ 16 tuổi, vì theo quy định tại khoản 6 Điều 69 BLHS thì “*án đã tuyên đối với NCTNPT khi chưa đủ 16 tuổi, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm*”.

### **2.3. Quy định riêng của Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội**

#### ***2.3.1. Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên phạm nhiều tội***

Trường hợp phạm nhiều tội có thể được hiểu là trường hợp một người đã phạm nhiều tội khác nhau được quy định trong luật hình sự mà những tội này chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự cũng như người phạm tội chưa bị kết án lần nào, nay bị Tòa án đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó.

Trong khoa học pháp lý hình sự hiện nay, có ba trường hợp bị coi là phạm nhiều tội. Cụ thể như sau:

- *Trường hợp thứ nhất:* Người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội khác nhau và mỗi hành vi này cấu thành một tội độc lập, không có liên quan với nhau.

*Ví dụ:* Một người có hành vi trộm cắp tài sản (Điều 138), sau đó lại có hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác (Điều 104).

- *Trường hợp thứ hai:* Người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội khác nhau, mỗi hành vi cấu thành một tội khác nhau, nhưng chúng có liên quan với nhau và cùng nhằm một mục đích phạm tội.

*Ví dụ:* Hành vi hành hung để tẩu thoát sau khi thực hiện hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản đã gây ra hậu quả là thương tích nặng cho chủ tài sản

với tỷ lệ thương tật đến 35%. Trong trường hợp này thì các hành vi đó đã thỏa mãn dấu hiệu của cấu thành hai tội phạm khác nhau là tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” (Điều 137) và tội “Cố ý gây thương tích” (Khoản 2 Điều 104).

Trong trường hợp này chỉ coi là phạm nhiều tội nếu các hành vi của người phạm tội đều nghiêm trọng. Nếu trong số các hành vi phạm tội đó có hành vi nghiêm trọng, có hành vi ít nghiêm trọng thì chỉ xét xử về tội có hành vi nghiêm trọng, hành vi ít nghiêm trọng là tình tiết của vụ án.

*Ví dụ:* Cũng là hành hung để tẩu thoát khi thực hiện hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản nhưng hậu quả mà người phạm tội gây ra cho chủ sở hữu tài sản chưa đến mức thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội cố ý gây thương tích thì người phạm tội chỉ bị xét xử về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản với tình tiết là hành hung để tẩu thoát theo quy định tại Khoản 2, Điều 137 BLHS 1999.

- *Trường hợp thứ ba:* Người phạm tội chỉ thực hiện một hành vi nhưng hành vi đó lại thỏa mãn dấu hiệu pháp lý của nhiều tội khác nhau.

*Ví dụ:* Hành vi mua súng về để trong nhà nhằm thực hiện hành vi giết người nhưng chưa kịp thực hiện thì bị phát hiện. Người thực hiện hành vi trên đã phạm tội giết người theo Điều 93 BLHS ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội và tội mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo Điều 230 BLHS.

Trên thực tế có những trường hợp NCTN phạm nhiều tội, do đó vấn đề quyết định hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội là một trong những vấn đề quan trọng. Với chính sách hình sự đặc biệt, quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội cũng mang tính đặc trưng riêng biệt, nhất là trong vấn đề tổng hợp hình phạt.

Đối với NCTN phạm nhiều tội, khi tổng hợp hình phạt ngoài việc căn cứ vào Điều 50, Điều 51 BLHS 1999 như đối với NCTN phạm nhiều tội, thì Tòa án còn căn cứ vào Điều 74, Điều 75 BLHS 1999.

Điều 75 BLHS 1999 quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội.

*“Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:*

*1. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại Điều 74 của Bộ luật này*

*2. Nếu tội nặng nhất được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đã thành niên phạm tội”*

Như vậy, Điều 75 BLHS chỉ được áp dụng khi NCTN phạm nhiều tội, trong đó có tội được thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện khi đã đủ 18 tuổi. Khi áp dụng Điều 75 BLHS 1999 cần chú ý:

- *Thứ nhất:* BLHS 1999 quy định “tội nặng nhất” chứ không phải “mức hình phạt cao nhất” mà Tòa án quyết định cho mỗi tội phạm và luật hình sự cũng chỉ khoan hồng đối với trường hợp phạm nhiều tội trong đó có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi mà trong đó tội nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi. Nếu nhận thức không đúng về vấn đề này sẽ dẫn đến những sai sót trong quyết định hình phạt.

*Ví dụ:* Nếu một người phạm tội “Giết người” bị truy tố theo Khoản 2, Điều 93 BLHS 1999 có khung hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm và bị kết án với mức hình phạt tù là 8 năm không thể xem người đó phạm tội nhẹ hơn đối với một người thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” bị truy tố theo Khoản 4, Điều 138 BLHS 1999, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến chung thân và bị kết án với mức hình phạt là 15 năm tù.

- *Thứ hai:* Khi quyết định hình phạt đối với những tội mà bị cáo thực hiện trước khi đủ 18 tuổi thì phải áp dụng các quy định về hình phạt đặc trưng cho NCTNPT theo quy định tại Chương X BLHS 1999.

Để có thể áp dụng Điều 75 BLHS, cần xác định khái niệm “tội nặng nhất”. Vấn đề xác định tội nặng nhất khi NCTN phạm nhiều tội được quy định tại Nghị quyết 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như sau:

*“b1. Trước hết xem xét hình phạt chính đối với hai tội phạm, nếu tội nào điều luật có quy định hình phạt nặng nhất nặng hơn thì tội đó nặng hơn”*

Ví dụ: Đối với tội “Cố ý gây thương tích” (Điều 104), điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất là tù chung thân, còn với tội “Giết người” (Điều 93), điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất là tử hình; do đó, tội “Giết người” nặng hơn tội “Cố ý gây thương tích”.

*“b2. Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội là tù có thời hạn (không quy định hình phạt tử hình, hình phạt tù chung thân) thì tội nào, điều luật quy định mức hình phạt cao nhất đối với tội ấy cao hơn thì tội đó nặng hơn”.*

Ví dụ: Đối với tội “Làm chết người trong khi thi hành công vụ” (Điều 97), điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất là mười lăm năm, còn đối với tội “Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính” (Điều 99), điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất là mười hai năm; do đó, tội “Làm chết người trong khi thi hành công vụ” nặng hơn tội “Vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính”.

*“b3. Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều tử hình hoặc tù chung thân hoặc đều tù có thời hạn và mức hình phạt cao nhất đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật quy định mức hình phạt tù khởi điểm cao hơn thì tội đó nặng hơn”.*

Ví dụ: Tội “Hiếp dâm” (Điều 111) và tội “Hiếp dâm trẻ em” (Điều 112), điều luật đều quy định hình phạt tử hình, phạt tù chung thân và hình phạt tù có thời hạn có mức cao nhất là hai mươi năm, nhưng mức hình phạt tù



khởi điểm đối với tội “Hiếp dâm” là hai năm, còn đối với tội “Hiếp dâm trẻ em” là bảy năm, do đó, tội “Hiếp dâm trẻ em” nặng hơn tội “Hiếp dâm”.

*“b.4. Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều là tù có thời hạn và mức hình phạt tù khởi điểm, mức hình phạt tù cao nhất như nhau, thì tội nào điều luật còn quy định loại hình phạt chính khác nhẹ hơn (cải tạo không giam giữ, phạt tiền, cảnh cáo) thì tội đó nhẹ hơn. Nếu điều luật cùng quy định các loại hình phạt như nhau, nhưng có mức cao nhất, mức khởi điểm khác nhau thì việc xác định tội nặng hơn, tội nhẹ hơn được thực hiện tương tự như hướng dẫn tại các điểm b2 và b3 tiểu mục 2.2 mục 2 Phần II của Nghị quyết này.*

*“b.5. Trong trường hợp điều luật quy định các loại hình phạt chính đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật còn quy định hình phạt bổ sung là tội đó nặng hơn. Nếu điều luật cùng quy định hình phạt bổ sung như nhau, nhưng đối với tội này thì hình phạt bổ sung là bắt buộc, còn đối với tội khác hình phạt bổ sung có thể áp dụng, thì tội nào điều luật quy định hình phạt bổ sung bắt buộc là tội đó nặng hơn”.*

Khi đã xác định được tội nặng nhất thì việc tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội, có tội phạm thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi, có tội phạm thực hiện khi đã đủ 18 tuổi có những điểm đặc biệt như sau:

+ Khi quyết định hình phạt từng tội đối với NCTNPT thì đối với những tội mà NCTN thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi phải áp dụng các quy định về hình phạt đặc trưng đối với NCTNPT theo quy định tại Chương X BLHS năm 1999. Đối với những tội mà người phạm tội thực hiện khi đã đủ 18 tuổi thì quyết định hình phạt như đối với người thành niên phạm tội.

+ Khi tổng hợp hình phạt, nếu tội phạm nặng nhất được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì áp dụng theo quy định tại Khoản 1, Điều 75 BLHS năm 1999, nghĩa là:

Nếu NCTNPT từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi thực hiện tội phạm nặng nhất, nếu điều luật áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức hình phạt tù mà điều luật quy định.

Nếu NCTNPT từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu điều luật áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá mười hai năm tù, nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

+ Khi tổng hợp hình phạt, nếu tội phạm nặng nhất được thực hiện khi người đó đủ 18 tuổi, thì vấn đề tổng hợp hình phạt áp dụng như đối với người đã thành niên phạm nhiều tội, nghĩa là mức hình phạt tù có thời hạn chung thân cao nhất là 30 năm.

Hiện nay, BLHS nước ta không quy định cụ thể vấn đề tổng hợp hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội mà các tội đều thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên căn cứ theo quy định về hình phạt đối với NCTNPT, nếu NCTN phạm nhiều tội thì khi tổng hợp hình phạt, mức hình phạt chung cao nhất sẽ không thể nào cao hơn mức hình phạt quy định tại Điều 74 BLHS năm 1999. Nếu trong tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội mà các tội đều thực hiện khi chưa đủ 18 tuổi có mức tổng hợp cao hơn quy định tại Điều 74 BLHS 1999 sẽ dẫn đến mâu thuẫn, không thống nhất trong vấn đề quyết định hình phạt nói riêng và trong chính sách hình sự của Nhà nước đối với NCTNPT nói chung.

### ***2.3.2. Quyết định hình phạt của nhiều bản án đối với người chưa thành niên phạm tội***

Quyết định hình phạt của nhiều bản án đối với NCTN không được Chương X quy định riêng nên sẽ tổng hợp theo quy định tại Điều 51 để ra

một hình phạt chung. Hình phạt chung này sau đó được xem xét lại để không quá mức cao nhất được quy định ở Điều 74.

Trong trường hợp một người phạm nhiều tội, về nguyên tắc tất cả các tội phạm đều phải bị đem ra xét xử. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy rằng, không phải trong tất cả các trường hợp phạm nhiều tội đều được phát hiện và đưa ra xét xử cùng một lần. Có trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật thì họ lại bị đưa ra xét xử về một tội đã phạm trước khi có bản án này. Trường hợp khác, bị cáo đang chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử hoặc trường hợp có nhiều bản án có hiệu lực pháp luật nhưng các bản án này chưa được tổng hợp.

Theo quy định tại Điều 51 BLHS năm 1999, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án có ba trường hợp sau:

*1. Trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật này.*

*Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.*

*2. Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật này.*

*3. Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì Chánh án Tòa án ra quyết định tổng hợp các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.*

Như vậy, để tổng hợp hình phạt trong trường hợp này, Hội đồng xét xử phải quyết định hình phạt cho tội đang bị xét xử, sau đó tổng hợp với bản án trước theo quy định của Điều 50 BLHS. Thời gian mà người bị kết án đã chấp hành được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Ví dụ: Tháng 5 năm 2013 A phạm tội bức tử và bị Tòa án tỉnh B áp dụng khoản 2 Điều 100 tuyên phạt 5 năm tù giam. A đang chấp hành hình phạt được một năm thì lại bị phát hiện trước đó vào tháng 6 năm 2012 A còn phạm tội trộm cắp và lại bị Tòa án tỉnh B đem ra xét xử. A bị tuyên 5 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 138. Tổng hợp hình phạt của hai bản án trên A phải chịu hình phạt chung là 10 năm tù (được trừ đi thời gian đã chấp hành 01 năm tù của bản án trước).

Khi áp dụng khoản 1 Điều 51 tổng hợp hình phạt trong trường hợp, hình phạt của bản án trước là cải tạo không giam giữ, của bản án sau là tù có thời hạn. Trường hợp này, Tòa án sẽ quy đổi toàn bộ hình phạt cải tạo không giam giữ của bản án trước thành hình phạt tù theo tỉ lệ 3:1, sau đó trừ đi hình phạt tù đã được đổi từ cải tạo không giam giữ vào hình phạt tù chung.

Ví dụ: ngày 15/11/2011, A bị Tòa án xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 104 BLHS. Sau đó, ngày 15/11/2012 A lại bị đem ra xét xử về tội hiếp dâm đã thực hiện tháng 11 năm 2010 và bị tuyên phạt 5 năm tù theo khoản 1 Điều 113 BLHS (tính đến thời điểm này A đã chấp hành được 12 tháng cải tạo không giam giữ). Tổng hợp hình phạt Tòa án buộc A phải chấp hành 5 năm tù của bản án đang xét xử cộng với 8 tháng tù của bản án trước được đổi từ 24 tháng cải tạo không giam giữ thành hình phạt chung là 5 năm 8 tháng tù. Vì A đã chấp hành được 12 tháng cải tạo không giam giữ bằng 4 tháng tù nên được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử các Tòa án thường trừ thời gian đã chấp hành trước rồi mới tổng hợp sau (nếu tổng hợp như vậy, trong trường

hợp hình phạt của các bản án tổng hợp lại là trên 30 năm tù thì sẽ gây thiệt hại cho người phạm tội)

Tại khoản 2, Điều 51 BLHS một người đang phải chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật lại phạm tội mới và bị đem ra xét xử. Trường hợp này, người phạm tội thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn trường hợp trước. Bởi vì, một người đang phải chấp hành một bản án, tức là đã được Nhà nước tỏ thái độ đối với hành vi phạm tội của họ nhưng họ đã không chịu cải tạo, giáo dục mà lại đi vào con đường phạm tội mới. Vì vậy, việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp này phải thể hiện tính nghiêm khắc hơn đối với các trường hợp khác. Việc tổng hợp sẽ được thực hiện như sau: Toà án quyết định hình phạt cho một hay các tội đang xét xử (trường hợp phạm nhiều tội mới), sau đó cộng hình phạt hay các hình phạt đã tuyên với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước. Hình phạt chung không được vượt quá giới hạn được quy định tại Điều 50 BLHS. Trong trường hợp này, nếu tính cả thời hạn hình phạt mà bị cáo đã chấp hành của bản án trước với hình phạt của bản án mới thì thời hạn hình phạt chung mà bị cáo thực tế phải chấp hành có thể trên 30 năm tù.

Ví dụ: A phạm tội giết người và đã bị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 93 tuyên phạt 20 năm tù. Chấp hành hình phạt được 6 năm A lại phạm tội cố ý gây thương tích và bị Tòa án áp dụng khoản 4 Điều 104 BLHS tuyên phạt 15 năm tù. Trong trường hợp này, hình phạt chung mà bị cáo A phải chấp hành là 29 (14 năm chưa chấp hành + 15 năm của tội mới) năm nhưng thực tế A phải chấp hành 35 năm.

Trong trường hợp người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của bản án chưa được tổng hợp. Trường hợp này được quy định tại khoản 3 Điều 51, cụ thể:

*“Trong trường hợp một người phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì*

*chánh án tòa án ra quyết định tổng hợp các bản án theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”.*

Quy định trên của BLHS có nghĩa các tội phạm được thực hiện khi chưa có bản án nào được tổng hợp thì áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS; nếu có tội phạm thực hiện sau khi đã có hiệu lực pháp luật thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

### ***2.3.3. Quyết định hình phạt trong trường hợp người chưa thành niên chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt***

Chương X Bộ luật hình sự năm 1999 không quy định riêng về NCTN chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt.

Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt được quy định chính thức là chế độ độc lập trong chương quyết định hình phạt (Điều 52) và đây chỉ là trường hợp đặc biệt của quyết định hình phạt.

Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, khi quyết định hình phạt, tòa án không những phải dựa vào quy định chung về căn cứ quyết định hình phạt cho mọi trường hợp phạm tội mà còn phải dựa cả vào quy định bổ sung cho trường hợp này. Đây là những quy định bổ sung cho căn cứ thứ nhất và thứ hai của quyết định hình phạt.

- Quy định bổ sung cho căn cứ thứ nhất (các quy định của BLHS)

Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều luật của BLHS 1999 về các tội phạm tương ứng (khoản 1 Điều 52 BLHS). Tuy nhiên, mức cao nhất của khung hình phạt được giới hạn như sau:

+ Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì mức cao nhất được áp dụng là không quá hai mươi năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức cao

nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù cao nhất mà điều luật quy định (khoản 2 Điều 52 BLHS).

+ Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức cao nhất mà điều luật này quy định (khoản 3 Điều 52 BLHS).

Việc quy định giới hạn mức cao nhất của khung hình phạt được áp dụng cho hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt như trên là điểm mới về sự phân hóa trách nhiệm hình sự giữa hành vi phạm tội hoàn thành và hành vi phạm tội chưa hoàn thành trong BLHS 1999 so với BLHS năm 1985.

- Quy định bổ sung cho căn cứ thứ hai (tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi)

Theo khoản 1 Điều 52 BLHS, khi quyết định hình phạt cho hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, tòa án phải căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, vào mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng. Quy định này thực chất là quy định cụ thể về căn cứ thứ hai của quyết định hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Nó bao gồm cả nội dung chung và cả nội dung bổ sung. Giữa hành vi chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và trường hợp tội phạm hoàn thành của loại tội nhất định cũng như giữa các trường hợp chuẩn bị phạm tội, giữa các trường hợp phạm tội chưa đạt với nhau có sự khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội do có sự khác nhau về mức độ thực hiện tội phạm cũng như do có sự khác nhau về các tình tiết khiến tội phạm không thực hiện được đến cùng. Do đó, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến tội phạm không thực hiện được đến cùng được coi là hai căn cứ bổ sung bên cạnh căn

cứ chung là tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. [29, tr.288].

Tóm lại, để quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt chính xác, Tòa án cần cân nhắc các căn cứ về quyết định hình phạt cho mọi trường hợp và căn cứ nói trên, không nên coi nhẹ hoặc quá nhấn mạnh căn cứ nào. Theo quy định của Điều 52 BLHS năm 1999, hình phạt áp dụng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt thấp hơn so với trường hợp tội phạm hoàn thành, hình phạt áp dụng cho trường hợp chuẩn bị phạm tội thấp hơn so với trường hợp phạm tội chưa đạt. Việc phân hóa đường lối xử lý như trên tạo cơ sở pháp lý cho Tòa án cá thể hóa hình phạt cho người phạm tội được chính xác và công bằng.

## **Kết luận Chương 2**

Quyết định hình phạt đối với NCTNPT là một trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt và nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự. Một mức án đủ nghiêm khắc và công bằng sẽ có tác dụng giáo dục, cải tạo người phạm tội, đồng thời giáo dục người khác tuân theo pháp luật ngăn ngừa tội phạm mới. Nếu hình phạt được quyết định quá nhẹ so với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội sẽ làm cho người phạm tội và cộng đồng xã hội có thái độ xem thường pháp luật. Ngược lại quyết định hình phạt quá nặng sẽ tạo tâm lý phản ứng tiêu cực của người bị kết án, làm cho người bị kết án không tin tưởng vào tính công bằng của pháp luật và sự nghiêm minh của cơ quan tiến hành tố tụng.

Do vậy, khi áp dụng hình phạt đối với NCTNPT bao giờ tòa án cũng phải xem xét đến nhân thân của NCTN, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi..., các nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT, đặc biệt là nguyên tắc: *“việc xử lý hành vi phạm tội của NCTN chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm...”*. Từ đó, tòa án mới có những quyết định đối với NCTN một cách nghiêm minh, công bằng, đúng pháp luật và nâng cao hiệu quả của hình phạt đối với NCTN.



## CHƯƠNG 3

### THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐÚNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI

#### 3.1. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Nam Định

##### 3.1.1. *Khái quát tình hình tội phạm do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn tỉnh Nam Định*

Nam Định là một tỉnh nằm ở phía nam đồng bằng Bắc Bộ, Việt Nam. Địa hình Nam Định có thể chia thành 3 vùng:

- Vùng đồng bằng thấp trũng: gồm các huyện Vụ Bản, Ý Yên, Mỹ Lộc, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường. Đây là vùng có nhiều khả năng thâm canh phát triển nông nghiệp, công nghiệp dệt, công nghiệp chế biến, công nghiệp cơ khí và các ngành nghề truyền thống.

- Vùng đồng bằng ven biển: gồm các huyện Giao Thủy, Hải Hậu và Nghĩa Hưng; có bờ biển dài 72 km, đất đai phì nhiêu, có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế tổng hợp ven biển.

- Vùng trung tâm công nghiệp - dịch vụ thành phố Nam Định: có các ngành công nghiệp dệt may, công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến, các ngành nghề truyền thống, các phố nghề... cùng với các ngành dịch vụ tổng hợp, dịch vụ chuyên ngành hình thành và phát triển từ lâu. Thành phố Nam Định từng là một trong những trung tâm công nghiệp dệt của cả nước và trung tâm thương mại - dịch vụ, cửa ngõ phía Nam của đồng bằng sông Hồng. Nam Định có diện tích: 1.652,6 [km<sup>2</sup>](#) với dân số của tỉnh là 1,805,771 người, mật độ dân số 1,196 người/km<sup>2</sup>. Trong những năm qua, nhờ thực hiện đổi mới đồng bộ về kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi mà kinh tế của tỉnh ngày càng phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân trong tỉnh không ngừng được nâng cao, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Từ đó góp phần xây dựng vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

([Http://namdinh.gov.vn](http://namdinh.gov.vn)). Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì mặt trái của nền kinh tế thị trường cũng làm ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình tội phạm nói chung, tội phạm là NCTN nói riêng. Tình hình NCTNPT đang có xu hướng gia tăng về số lượng, phức tạp về phương thức, thủ đoạn thực hiện. Qua công tác thu thập số liệu từ kết quả giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm ở các Tòa án trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015 thì tình hình quyết định hình phạt đối với NCTNPT trên địa bàn tỉnh Nam Định như sau:

Từ năm 2011 đến năm 2015 trên toàn địa bàn tỉnh Nam Định, Tòa án các cấp đã thụ lý và giải quyết 5267 vụ án hình sự sơ thẩm, với tổng số 8357 bị cáo, trong đó số vụ án do NCTN thực hiện là 160 vụ, chiếm 3,04 tổng số vụ án hình sự đã thụ lý trên địa bàn tỉnh Nam Định, với số bị cáo là NCTN là 217 bị cáo, chiếm 2,60 trên tổng số bị cáo đã thụ lý (Xem bảng 3.1).

Các tội phạm do NCTN thực hiện rất đa dạng, trong đó tập trung chủ yếu vào các tội trộm cắp tài sản, cướp tài sản, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Xem bảng 3.2).

Về độ tuổi của NCTNPT được phân hóa thành hai nhóm tuổi khác nhau (từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi), điều này xuất phát từ khả năng nhận thức về pháp luật, trình độ hiểu biết và kinh nghiệm sống của các độ tuổi khác nhau là không giống nhau. Qua thực tiễn công tác xử lý NCTNPT trên địa bàn tỉnh Nam Định cũng cho thấy NCTN thực hiện hành vi phạm tội chủ yếu tập trung ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, người trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chiếm tỷ lệ rất ít, cụ thể qua từng năm như sau:

Năm 2011, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là 16 bị cáo, trong khi số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi là 2 bị cáo.

Năm 2012, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là 57 bị cáo, trong khi số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi là 4 bị cáo.

Năm 2013, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là 49 bị cáo, trong khi số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi là 7 bị cáo.

Năm 2014, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là 38 bị cáo, trong khi số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi là 1 bị cáo.

Năm 2015, bị cáo từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là 30 bị cáo, trong khi số bị cáo từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi là 0 bị cáo.

(Xem bảng 3.3; 3.4; 3.5)

Từ số liệu thống kê và biểu đồ trên, ta thấy tỷ lệ NCTNPT đưa ra xét xử ở độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi luôn chiếm tỷ lệ cao (trên 90%). Do đó, thực tiễn công tác áp dụng các quyết định hình phạt đối với NCTNPT trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua chủ yếu tập trung vào số đối tượng này.

Thực trạng trên cho thấy nguyên nhân chủ yếu thường xuất phát từ bản thân NCTN. Ở độ tuổi này các em rất nông nổi thường hay hành động một cách bộc phát, thiếu kiềm chế, dễ dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, sự thiếu quan tâm, giáo dục của một số gia đình vì nghĩ rằng các em đã thật sự khôn lớn cũng là một trong những nguyên nhân dẫn các em đến con đường phạm tội. Đối với độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, do chưa phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực nên hành vi của các em thường ít gây hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ.

### ***3.1.2. Kết quả quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Nam Định***

Hoạt động quyết định hình phạt của Tòa án đối với NCTNPT trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Nam Định về cơ bản chính xác, khách quan, công bằng và chú trọng các mục tiêu giáo dục, cải tạo, hướng thiện, phòng ngừa. Việc áp dụng hình phạt và các nguyên tắc quyết định hình phạt đối với NCTN của Tòa án đều đúng với các căn cứ theo quy định của pháp luật hình sự.

Việc quyết định hình phạt đối với NCTNPT thực hiện đúng chính sách hình sự của Nhà nước ta là nhân đạo, khoan hồng và chú ý đến vấn đề cải tạo,

giáo dục NCTNPT giúp đỡ người phạm tội sửa chữa những sai lầm để tái hòa nhập cộng đồng. Đơn cử như vụ án sau:

Bản án sơ thẩm số 55/2014/HSST ngày 27/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định xét xử bị cáo Lê Trung Dũng, sinh ngày 18/11/1999. Địa chỉ: xóm Cầu, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Hành vi phạm tội của bị cáo như sau: khoảng 8 giờ 30 phút ngày 07/7/2014 Lê Trung Dũng rủ Trần Ngọc Chung sinh năm 2001 và Trần Viết Tân sinh năm 2000 đều trú tại xóm Cầu, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đi ra khu vực đường liên thôn xóm Cầu, xã Kim Thái đi xóm Chùa xã Yên Mỹ để chặn đánh thanh niên xã Yên Mỹ. Chung và Tân đồng ý, cả bọn vào nhà Tân lấy dao. Dũng cầm 01 con dao rựa bằng kim loại màu đen, kích thước (40x6) cm; Tân cầm 01 con dao bìa bằng kim loại màu đen, kích thước (33,5x7) cm; Chung cầm 01 con dao phay bằng kim loại, kích thước (40x7) cm. Khi đi ra khu vực núi xóm Cầu, xã Kim Thái thì Dũng nói với Chung “Gặp nhóm thanh niên người Yên Mỹ nào cũng đánh, nếu có gì thì trấn luôn”. Chung đồng ý.

Khoảng 9 giờ cùng ngày, nhóm của Dũng gặp anh Vũ Công Bình điều khiển xe đạp điện đi học về. Dũng hô “thằng kia đứng lại”, thấy anh Bình vẫn tiếp tục đi, Dũng và Chung cầm dao đuổi theo anh Bình. Đến nơi, Dũng chặn trước đầu xe, dùng dao kê vào cánh tay trái và dùng chân phải đạp đổ xe đạp điện của anh Bình, anh Bình nhảy ra khỏi xe nên bị lưỡi dao của Dũng xiết vào bắp tay trái làm xước da, kích thước (2x0,2) cm. Dũng hỏi anh Bình “mày có tiền không”, anh Bình mặc dù có tiền để ở túi quần sau nhưng vẫn nói là “không có”, Dũng dùng tay trái lục soát hai túi quần phía trước của anh Bình để tìm tiền nhưng không có nên đã để cho anh Bình dựng xe đạp điện lên và đi về.

Sau khi nghe anh Vũ Công Bình kể lại sự việc trên, Bùi Tất Tú, Vũ Công Thắng, Bùi Đắc Hải đều trú tại xóm Chùa, xã Yên Mỹ đã cùng với Vũ

Công Bình quay lại tìm nhóm của Dũng để hỏi chuyện. Nhóm của Dũng bỏ chạy nấp vào sau nhà bố đẻ Chung là ông Trần Ngọc Doan, nhóm của Bình cũng vào nhà ông Doan. Tại nhà ông Doan, Tú hỏi nhóm của Dũng “thằng nào lúc nãy đánh và định trấn tiền của Bình”, không thấy ai nói gì. Phát hiện thấy Dũng cầm dao ở trên tay, Tú đã cầm 01 đoạn gậy gỗ kích thước (5x75) cm ở sau nhà ông Doan vụt về phía Dũng, Dũng giơ tay lên đỡ, thanh củi bị gãy, Dũng dùng dao chém Tú 03 nhát liên tiếp vào đỉnh đầu trái, cổ bên trái và bả vai phải.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 88/14/TgT ngày 20/8/2014 của Trung tâm pháp y, Sở y tế Nam Định kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh Bùi Tất Tú là 10%.

Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản tuyên bố bị cáo Lê Trung Dũng phạm tội “Cướp tài sản” và áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74; Điều 47; Điều 60 BLHS xử phạt Lê Trung Dũng 36 (ba sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong vụ án này Tòa án đã xác định đúng hình phạt đối với bị cáo.

### ***3.1.3. Những hạn chế trong hoạt động quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Nam Định và nguyên nhân***

Tuy việc quyết định hình phạt đối với NCTNPT trên địa bàn tỉnh trong những năm vừa qua về cơ bản đã được tiến hành chính xác, khách quan, công bằng và đạt được những thành quả nhất định trong mục tiêu giáo dục, cải tạo, hướng thiện, phòng ngừa đối với NCTNPT nhưng không thể phủ nhận một thực tế là vẫn còn những hạn chế, vướng mắc liên quan đến quyết định hình phạt đối với NCTN tập trung vào các vấn đề sau:

3.1.3.1. Nguyên tắc hạn chế áp dụng hình phạt tù đối với người chưa thành niên phạm tội không được thực thi triệt để, hình phạt tù vẫn chiếm đại

bộ phận trong các hình phạt áp dụng đối với đối tượng này

Mặc dù khi sửa đổi, bổ sung BLHS vào năm 2009, một nguyên tắc quyết định hình phạt đối với NCTNPT mới được đặt ra tại khoản 5 Điều 69 Bộ luật hình sự là “*Khi áp dụng hình phạt đối với NCTNPT cần hạn chế áp dụng hình phạt tù*” nhưng kể từ đó đến nay, hình phạt áp dụng chủ yếu đối với NCTN vẫn là hình phạt tù (Xem bảng 3.6).

Qua số liệu thống kê, số bị cáo là NCTN bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015 như sau:

- Năm 2011: tổng số NCTNPT là 18, trong đó hình phạt tù là 14 chiếm 77,8%, hình phạt khác là 4 chiếm 22,2%, cụ thể như sau:

+ Áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là 8, chiếm tỷ lệ 44,4% trên tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử.

+ Tù từ 3 năm trở xuống là 2 bị cáo, chiếm tỷ lệ 11,1%.

+ Tù từ 3 năm đến 7 năm là 4 bị cáo, chiếm tỷ lệ 22,2%.

+ Tù từ trên 7 năm đến 15 năm là 0 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0%.

+ Tù từ trên 15 năm đến 18 năm là 0 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0%.

- Năm 2012: tổng số NCTNPT là 61, trong đó hình phạt tù là 60 chiếm 98,4%, hình phạt khác là 1 chiếm 1,6%, cụ thể như sau:

+ Áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là 32, chiếm tỷ lệ 52,5% trên tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử.

+ Tù từ 3 năm trở xuống là 23 bị cáo, chiếm tỷ lệ 37,7%.

+ Tù từ 3 năm đến 7 năm là 3 bị cáo, chiếm tỷ lệ 4,9%.

+ Tù từ trên 7 năm đến 15 năm là 2 bị cáo, chiếm tỷ lệ 3,3%.

+ Tù từ trên 15 năm đến 18 năm là 0 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0%.

- Năm 2013: tổng số NCTNPT là 56, trong đó hình phạt tù là 54 chiếm 96,4%, hình phạt khác là 2 chiếm 3,6%, cụ thể như sau:

+ Áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là 18, chiếm tỷ lệ 32,1% trên tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử.

- + Tù từ 3 năm trở xuống là 23 bị cáo, chiếm tỷ lệ 41,1%.
- + Tù từ 3 năm đến 7 năm là 9 bị cáo, chiếm tỷ lệ 16,1%.
- + Tù từ trên 7 năm đến 15 năm là 3 bị cáo, chiếm tỷ lệ 5,4%.
- + Tù từ trên 15 năm đến 18 năm là 1 bị cáo, chiếm tỷ lệ 1,8%.

- Năm 2014: tổng số NCTNPT là 39, trong đó hình phạt tù là 31 chiếm 79,5%, hình phạt khác là 8 chiếm 20,5%, cụ thể như sau:

- + Áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là 13, chiếm tỷ lệ 33,3% trên tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử.

- + Tù từ 3 năm trở xuống là 17 bị cáo, chiếm tỷ lệ 43,6%.
- + Tù từ 3 năm đến 7 năm là 0 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0%.
- + Tù từ trên 7 năm đến 15 năm là 1 bị cáo, chiếm tỷ lệ 2,6%.
- + Tù từ trên 15 năm đến 18 năm là 0 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0%.

- Năm 2015: tổng số NCTNPT là 30, trong đó hình phạt tù là 18 chiếm 93,3%, hình phạt khác là 2 chiếm 6,7%, cụ thể như sau:

- + Áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là 13, chiếm tỷ lệ 43,3% trên tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử.

- + Tù từ 3 năm trở xuống là 15 bị cáo, chiếm tỷ lệ 50%.
- + Tù từ 3 năm đến 7 năm là 0 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0%.
- + Tù từ trên 7 năm đến 15 năm là 0 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0%.
- + Tù từ trên 15 năm đến 18 năm là 0 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0%.

(Xem bảng 3.7)

Từ số liệu phân tích trên cho thấy, hình phạt tù có thời hạn được áp dụng đối với NCTNPT chiếm tỷ lệ cao trên 90% trong số các loại hình phạt đã áp dụng.

Ví dụ:

Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2015/HSST ngày 10/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử bị cáo Vũ Minh Hiếu, sinh ngày 24/10/1997. Thường trú: Đội 8 HTX Nam Hải xã Nghĩa Hải huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Hành vi phạm tội của bị cáo như sau: khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/3/2015, Vũ Minh Hiếu đi đọc kinh ở nhà nguyện về, khi đi qua bãi vật liệu xây dựng của ông Bùi Văn Hiếu, thấy ông Hiếu đã tắt điện, khóa cửa về nhà ăn cơm. Vũ Minh Hiếu đi đến dùng tay đẩy mạnh cánh cửa hông phía tây nhà ở trông coi bãi vật liệu xây dựng, làm gãy khay cửa, cửa bật ra và Hiếu đi vào nhà, đến bật công tắc điện, rồi dùng chân đạp bung cánh cửa tủ của bàn gỗ kê giữa nhà để tìm tài sản, nhưng không lấy được tài sản. Sau đó Hiếu thấy ở góc phòng phía đông có một két sắt. Hiếu đi vào nhà kho của ông Bùi Văn Hiếu tìm được chiếc máy cắt sắt cầm tay mang ra cắt phá cánh két sắt. Khi cắt được khoảng 15 cm thì máy cắt sắt bị hỏng, Hiếu tìm trong nhà kho thấy chiếc kìm chết, mang đến sửa máy cắt sắt nhưng không sửa được nên Hiếu quay lại nhà kho tìm được chiếc xà beng đâm vào vết cắt nhưng không phá được két, Hiếu tiếp tục đâm vào mép cánh két sắt làm cánh két sắt bị vênh, rồi kéo két sắt nằm xuống nền nhà và dùng xà beng bẩy bung cánh két sắt. Trong quá trình phá két sắt, Hiếu mở cửa hậu gian nhà kho quan sát ra ngoài đề phòng bị phát hiện. Sau khi mở được két sắt, Hiếu tiếp tục dùng xà beng đâm làm bung ngăn két phía trên, rồi lục tìm trong ngăn này được 01 dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng mặt vuông và 01 mặt dây chuyền vàng hình trái tim. Hiếu cất số vàng vào người rồi lục trong ngăn két phía dưới thấy hai cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng, Hiếu lấy tiền cất vào người rồi theo cửa hậu chạy về nhà. Khi về tới nhà, Hiếu bỏ tiền ra đếm được 74.000.000 đồng, sau đó Hiếu cất dấu tất cả số tiền và số vàng vừa lấy được dưới gầm giường. Ngày 24/3/2015, Vũ Minh Hiếu nhận thấy hành vi trộm cắp của mình là vi phạm



pháp luật nên đã đến công an tự thú và trả lại toàn bộ tài sản mà Hiếu trộm cắp tại nhà ông Bùi Văn Hiếu tối ngày 23/3/2015.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Vũ Minh Hiếu phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Vũ Minh Hiếu 02 (hai) năm tù. Thời hạn tính từ ngày 25/3/2015.

Trong vụ án này, Tòa án xử phạt Vũ Minh Hiếu 02 năm tù trong khi Hiếu có 4 tình tiết giảm nhẹ và lúc phạm tội bị cáo là NCTN, do vậy mức án 2 năm tù là khá nặng so với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo Vũ Minh Hiếu gây ra.

3.1.3.2. Hình phạt cải tạo không giam giữ không được chú trọng áp dụng mặc dù có lợi hơn trong việc giáo dục, giúp đỡ người chưa thành niên sửa chữa sai lầm, tái hòa nhập xã hội

Trong 05 năm (2011 - 2015) Tòa án ở Nam Định không áp dụng hình phạt cảnh cáo lần nào đối với NCTNPT; hình phạt tiền và cải tạo không giam giữ chỉ được áp dụng với tỷ lệ rất thấp, tổng hai hình phạt chiếm hơn 8% trong số các loại hình phạt đã áp dụng. NCTN chủ yếu phạm vào các tội xâm phạm sở hữu hoặc các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, ít phạm vào loại tội quy định hình phạt tiền là hình phạt chính. Hơn nữa, nếu có quy định thì cũng ít NCTN đáp ứng điều kiện có tài sản, thu nhập riêng. Hình phạt cải tạo không giam giữ là loại hình phạt mà người bị kết án không bị cách ly khỏi xã hội nên để việc áp dụng hình phạt này có hiệu quả trên thực tế đòi hỏi phải có sự phối hợp, quản lý chặt chẽ và trách nhiệm của nhiều bên như gia đình và các cơ quan có trách nhiệm mới mang lại hiệu quả cao. Trong rất nhiều trường hợp có đủ căn cứ để quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo chưa thành niên nhưng Tòa án lại không lựa chọn hình phạt này. Đơn cử như vụ án sau:

Bản án sơ thẩm số 13/2012/HSST ngày 27/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực tỉnh Nam Định xét xử bị cáo Nguyễn Việt Bắc, sinh ngày 12/6/1994. Thường trú: thôn Cổ Chử, xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 03/11/2011, Nguyễn Việt Bắc đến nhà Hùng ở thôn Cổ Ra xã Nam Hùng chơi sau đó Bắc và Hùng cùng Duy về nhà Duy ngủ. Khoảng 5 giờ sáng 04/11/2011 Bắc và Hùng về nhà Hùng vệ sinh cá nhân. Duy tiếp tục ngủ. Khi Hùng đi làm, Bắc đi bộ cùng và nảy sinh ý định trộm cắp xe máy nhà Duy nên nói dối Hùng là về nhà bạn của Bắc chơi. Bắc đến nhà Duy thấy Duy còn ngủ nên tìm chìa khóa xe máy dặt xe máy Dream do Trung Quốc sản xuất, BKS 18P5-6332 do Duy mượn của chị Phạm Thị Nga là chị gái Duy đi đến nhà Phạm Văn Nam ở thôn Xối Trì rú Nam đi chơi. Chiều 04/11/2011 Bắc cho Nam mượn xe đi chơi. Đến tối Bắc điện thoại nói với Nam là xe của Bắc mất giấy tờ có mua Bắc bán cho 1.200.000đ. Tối 08/11/2011 Bắc đến nhà Nam hỏi có mua xe không Bắc còn mang xe về. Nam đã xin bố 1.000.000đ mua chiếc xe trên. Bắc dùng số tiền trên ăn tiêu hết. Ngày 10/11/2011 Bắc đến công an huyện Nam Trực đầu thú.

Tòa án nhân dân huyện Nam Trực xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt Bắc phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; Điều 74 BLHS 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Việt Bắc 03 (ba) tháng tù, thời tù tính từ ngày 22/02/2012.

Như vậy, đối với trường hợp trên, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTNPT là đầy đủ căn cứ và thích hợp nhưng ít Tòa án lựa chọn hình phạt cải tạo không giam giữ.

3.1.3.3. Việc quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội vẫn còn nghiêm khắc, chưa phản ánh đúng chính sách hình sự nhân đạo đối với người chưa thành niên và làm giảm cơ hội tái hòa nhập xã hội của họ

Trong nhiều vụ án, các Tòa án vẫn chưa chú trọng yếu tố đặc thù về tâm lý, nhận thức của NCTNPT cũng như mục tiêu giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm nên hình phạt áp dụng còn có phần hà khắc. Đơn cử như vụ án sau:

Bản án sơ thẩm số 60/2012/HSST ngày 14/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử bị cáo Phan Xuân Hoàn, sinh ngày 10/8/1994. Trú tại: xóm Gôi, thôn Mai Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định.

Hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 06/10/2011 Phan Xuân Hoàn (không có giấy phép lái xe) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu FLUTTER biển kiểm soát 18F7-2046 đi giữa đường D4 với tốc độ khoảng 40km/h theo hướng từ đường Phạm Ngũ Lão-TP Nam Định về phía đường N6 khu công nghiệp Hòa Xá-TP Nam Định. Khi đi đến đoạn gần công ty TNHH Bảo Minh ở điều kiện mặt đường rải nhựa phẳng, ướt do trời mưa, đường thẳng, rộng 10,4m, trời nhá nhem tối, đèn đường chưa bật sáng, xe mô tô do Hoàn điều khiển chưa bật đèn chiếu sáng, phía trước cùng chiều với xe của Hoàn có 01 xe mô tô (không rõ người điều khiển và biển kiểm soát). Lúc này đi ngược chiều với xe của Hoàn có xe mô tô BKS: 18F1-5321 do anh Đặng Như Trường, sinh năm 1963, trú tại xóm Gôi, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định điều khiển (anh Trường có đội mũ bảo hiểm và có giấy phép lái xe theo quy định) đi cách mép đường bên trái theo hướng xe Hoàn đi khoảng 2 mét. Hoàn điều khiển xe mô tô với tốc độ cao để vượt xe mô tô cùng chiều, nên khi phát hiện xe mô tô ngược chiều do anh Trường điều khiển thì khoảng cách quá gần (khoảng 4-5 mét) Hoàn đã điều khiển xe xiên chéo sang trái làm phần đầu phía trước xe Hoàn gồm: má lốp càn xe, tay lái bên phải va chạm vào đầu xe mô tô ngược chiều gồm má lốp cạnh vành bánh xe, càn xe và tay lái làm cả hai xe và người điều khiển đổ

uống đường. Hậu quả anh Đặng Như Trường bị tử vong tại chỗ, Phan Xuân Hoàn bị vỡ hàm hai bên, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Sau khi tai nạn xảy ra gia đình Phan Xuân Hoàn đã kết hợp với gia đình nạn nhân lo tang lễ cho anh Trường và bồi thường cho gia Trường 50 triệu đồng.

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã tuyên bố bị cáo Phan Xuân Hoàn phạm tội “Vi phạm qui định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 BLHS xử phạt bị cáo Phan Xuân Hoàn 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thụ hình.

Trong vụ án này, cấp sơ thẩm đã xác định đúng tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, khi phạm tội bị cáo là NCTN nên khả năng nhận thức và kiểm soát hành vi còn có phần bị hạn chế. Sau khi sự việc xảy ra gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho gia đình nạn nhân, gia đình nạn nhân đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, mức án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là nặng. Trong trường hợp này Tòa án có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn để tạo điều kiện cho bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

3.1.3.4. Nguyên nhân của những tồn tại trong hoạt động quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội tại tỉnh Nam Định

Những hạn chế, tồn tại trong thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTN nêu trên tại tỉnh Nam Định không chỉ làm cho hoạt động quyết định hình phạt thiếu chính xác, khách quan, công bằng mà quan trọng hơn là khiến cho chính sách hình sự đối với NCTNPT không được thực thi một cách hiệu quả, mục tiêu giáo dục, cải tạo, phòng ngừa đối với NCTNPT khó đạt được. Điều này phản ánh một thực trạng đáng báo động về tính chất nguy hiểm của hành vi mà NCTN gây ra cho xã hội ngày một phức tạp. Những năm trước hành vi của NCTN thường đơn giản, không ảnh hưởng lớn cho xã hội. Nhưng những năm gần đây, tội phạm do NCTN thực hiện thường nghiêm trọng và rất

ngghiêm trọng như: gây rối trật tự công cộng, trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản..., thậm chí có cả tội đặc biệt nghiêm trọng như giết người, hiếp dâm. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế này bao gồm:

Thứ nhất, các quy định pháp luật về quyết định hình phạt đối với NCTNPT còn chưa hoàn thiện, một số điều luật còn quy định nhiều loại hình phạt có thể áp dụng đối với NCTN dẫn tới tính tùy nghi cao đối với người áp dụng pháp luật. Ví dụ chưa có quyết định hình phạt của nhiều bản án.

Thứ hai, các văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng BLHS còn thiếu và chưa kịp thời.

Thứ ba, năng lực, trình độ của cán bộ làm công tác xét xử đối với NCTN còn hạn chế hoặc chưa có sự phân biệt đầy đủ khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội nói chung và NCTNPT nói riêng.

Thứ tư, diễn biến tình hình tội phạm và tình trạng thiếu thốn về nhân lực, đội ngũ xét xử của ngành Tòa án, vẫn còn có những vị Hội thẩm nhân dân chưa được bồi dưỡng cập nhật đầy đủ các quy định của pháp luật cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật.

### **3.2. Các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội**

#### ***3.2.1. Các yêu cầu bảo đảm quyết định hình phạt đúng đối với người chưa thành niên phạm tội***

##### **3.2.1.1. Phải đưa Bộ luật hình sự 2015 vào cuộc sống**

Ngày 27/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS số 100/2015/QH13 năm 2015 cùng Nghị quyết thi hành Bộ luật số 109/2015/QH13. Ngày 18/12/2015, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 33/2015/L-CTN công bố Bộ luật và Nghị quyết này.

Để BLHS sớm đi vào cuộc sống ngày ngày 19/2/2016 Chính phủ ra quyết định số: 272/QĐ-TTg ban hành kế hoạch triển khai thi hành BLHS trong đó xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành

và trách nhiệm cũng như cơ chế phối hợp của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 109/2015/QH13, bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả khi thực hiện BLHS năm 2015.

BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ các tội danh cụ thể thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà NCTN từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, đồng thời bổ sung một số tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng nhưng có tính chất, mức độ nguy hiểm, xảy ra phổ biến mà NCTN từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi cũng phải chịu trách nhiệm hình sự để xử lý nghiêm khắc.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015: Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây:

a) Điều 143 (tội cưỡng dâm); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi);

b) Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản); Điều 171 (tội cướp giật tài sản); Điều 173 (tội trộm cắp tài sản); Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản);

c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy);

d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép); Điều 266 (tội đua xe trái phép);

đ) Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật); Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học

gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác); Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản);

e) Điều 299 (tội khủng bố); Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia); Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự).

Về nguyên tắc xử lý đối với NCTNPT, BLHS năm 2015 đã sửa đổi theo hướng cụ thể hơn và khẳng định các nguyên tắc: Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của họ. Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

#### 3.2.1.2. Bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân

Sự ra đời của Hiến pháp năm 2013 đã ghi nhận và đảm bảo thực hiện tốt hơn về các quyền con người, quyền cơ bản của công dân đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cả hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự với tính cách là công cụ pháp lý quan trọng và sắc bén nhất trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Theo đó, một mặt, BLHS 2015 đã đảm bảo tốt hơn quyền con người, quyền công dân xử lý nghiêm các hành vi xâm hại các quyền con người, quyền cơ bản của công dân; mặt khác cần nghiên cứu, đề xuất sửa đổi theo hướng đề cao hiệu

quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội; tạo điều kiện thuận lợi để người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng nhất là đối với NCTNPT.

### 3.2.1.3. Bảo đảm yêu cầu của cải cách cơ quan tư pháp

Những quan điểm, chủ trương mới của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới (Nghị quyết số 08/NQ-TW); Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48/NQ-TW) và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49/NQ-TW).

- Theo tinh thần các Nghị quyết trên nhiều văn bản nhiều văn bản pháp luật về tố tụng đã ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện như Hiến pháp 2013; Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014, Luật tổ chức cơ quan điều tra 2015, BLHS 2015, BLTTHS 2015 và các đạo luật tư pháp khác... . Trong đó xác định rõ và đầy đủ hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp.

### ***3.2.2. Các giải pháp bảo đảm quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội***

3.2.2.1. Hướng dẫn áp dụng kịp thời, thống nhất các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự

Kịp thời ban hành và ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật từ phía các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Các văn bản này tập trung hướng dẫn các quy định còn vướng mắc, còn có những nhận thức khác nhau giữa các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Tập trung chủ yếu vào các văn bản hướng dẫn áp dụng sau:



- Hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS (phần chung, phần các tội phạm cụ thể), quy định của BLTTHS (quy định chung, trình tự, thủ tục trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm...); đặc biệt là các hướng dẫn áp dụng liên quan đến quá trình giải quyết, xét xử các vụ án có bị can, bị cáo là NCTN.

- Hướng dẫn của các cơ quan liên ngành như Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư Pháp, Bộ Quốc phòng, các cơ quan liên quan... Các hướng dẫn liên tịch, liên ngành có giá trị áp dụng cao trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự; giúp cho các cơ quan, người tiến hành tố tụng có một nhận thức đầy đủ, thống nhất về các quy định của pháp luật chưa được rõ ràng, cụ thể hoặc những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn trong cuộc sống mà pháp luật chưa dự báo được hoặc chưa có quy định, hướng dẫn kịp thời.

Ví dụ: Các cơ quan có thẩm quyền cần có sự hướng dẫn cụ thể về quyết định hình phạt đối với trường hợp đồng phạm để đảm bảo sự phân hóa trách nhiệm hình sự giữa những người đồng phạm. Đặc biệt là việc quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN là một trong những người đồng phạm hoặc là những người đồng phạm đều là NCTN...

- Hướng dẫn, kết luận của từng ngành: Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án... Mỗi ngành đều có chức năng, nhiệm vụ khác nhau do đặc thù, tính chất công việc chi phối. Do đó để công việc cụ thể của mỗi cơ quan được tiến hành thuận lợi, nhanh chóng và thống nhất cao thì ngoài các quy định chung của pháp luật, hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các hướng dẫn liên ngành, liên tịch... thì mỗi ngành cũng cần có những hướng dẫn áp dụng trong ngành mình trên cơ sở quy định của pháp luật, có sự tham gia của các cơ quan pháp luật, cơ quan có liên quan, nhất là các nội dung liên quan đến việc giải quyết, xét xử các vụ án hình sự do NCTN thực hiện. Bỏ

sung thêm sự khiếm khuyết của BLHS 2015, khắc phục một cách nhanh chóng và cần có văn bản hướng dẫn kịp thời để BLHS 2015 đi vào cuộc sống.

3.2.2.2. Tập huấn và phổ biến sâu rộng các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tuyên truyền, phổ biến các nội dung cơ bản, mới của BLHS và BLTTHS 2015, chú trọng đến các nội dung liên quan đến NCTN đến mọi tầng lớp nhân dân trên phạm vi cả nước... nhằm nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật, góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

- Tập huấn chuyên sâu, kịp thời cho các cơ quan pháp luật, người tiến hành tố tụng, đảm bảo khi BLHS, BLTTHS có hiệu lực pháp luật sẽ được triển khai thi hành, áp dụng đồng bộ và thống nhất.

+ Mời các chuyên gia đầu ngành, người có kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu, giảng dạy, thực tế tiến hành tố tụng liên quan đến việc xét xử, quyết định hình phạt đối với NCTNPT...

+ Bản thân những cán bộ làm công tác pháp luật, những người tiến hành tố tụng phải thường xuyên tự nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật mới để áp dụng trong quá trình giải quyết án...

3.2.2.3. Nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự nói chung, các vụ án liên quan đến NCTNPT nói riêng.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, am hiểu kiến thức, nắm bắt tâm sinh lý, đời sống, lao động, học tập.... của NCTN, của những người tiến hành tố tụng như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm để đưa ra quyết định, bản án thấu tình, đạt lý, mang tính giáo dục cao.

Yếu tố con người luôn là một trong những yếu tố quan trọng trong bất cứ một hoạt động nào, đặc biệt là trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, vì nó quyết định đến sinh mệnh chính trị của một con người. Quyết định hình phạt là một khâu quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Việc quyết định một hình phạt phù hợp, đúng pháp luật, đảm bảo công bằng và hợp tình, hợp lý có một ý nghĩa xã hội rất lớn, đặc biệt là khi quyết định hình phạt đối với NCTNPT. Điều đó phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động tố tụng của Hội đồng xét xử mà cụ thể là hoạt động tố tụng của Thẩm phán và Hội thẩm. Để có được những Thẩm phán và Hội thẩm vừa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng vừa có phẩm chất đạo đức tốt, có tâm huyết với nghề, am hiểu đời sống, tâm sinh lý đối với những NCTN, yêu cầu phải làm tốt các vấn đề sau:

+ Vấn đề tuyển dụng cán bộ: Đây là khâu quan trọng nhất, bởi bắt đầu từ đây một đội ngũ cán bộ sẽ là Thẩm phán, Hội thẩm, những người cầm cân nảy mực trong tương lai. Vì vậy, để tuyển chọn được những cán bộ có đức, có tài, “vừa hồng, vừa chuyên”, có tâm huyết với nghề, trước hết từ khâu tuyển chọn, thi tuyển phải đảm bảo nghiêm túc, chất lượng, khắc phục triệt để tiêu cực trong tuyển chọn, thi tuyển. Cần phải có cơ chế, chế độ chính sách, điều kiện làm việc để thu hút người tài, ưu tiên đối với những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc.

+ Không ngừng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp cho các Thẩm phán, Hội thẩm bởi việc quyết định hình phạt có chính xác, đúng pháp luật hay không phụ thuộc rất nhiều vào năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, trách nhiệm nghề nghiệp của Thẩm phán và Hội thẩm. Năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, trách nhiệm nghề nghiệp của Thẩm phán và Hội thẩm không cao sẽ dẫn đến việc hiểu sai nội dung điều luật, đánh giá sai, không đúng các tình tiết khách quan của vụ án hoặc xem xét các chứng cứ một cách sơ sài, thiếu thận trọng; từ đó quyết định hình phạt

theo cảm tính, kinh nghiệm chủ quan của cá nhân, duy ý chí. Ngược lại, nếu ý thức pháp luật, nhận thức pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm ở tầm cao thì hình phạt được quyết định là sản phẩm của cả quá trình nghiên cứu, cân nhắc các tình tiết của vụ án, nhân thân người phạm tội, các căn cứ quyết định hình phạt một cách chuẩn xác. Do vậy, để đạt được kết quả như mong muốn trên, cần thường xuyên, tăng cường mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm. Hiện nay, lãnh đạo các Tòa án nhân dân ở các thành phố lớn, trung tâm của cả nước như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội rất quan tâm đến vấn đề này, chủ động phối hợp với Học viện Tóa án, hàng năm tổ chức tập huấn, hội thảo chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu hoặc khi có các văn bản pháp luật mới ban hành cho đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm. Qua đó, bổ sung kiến thức, những quy định mới, phân tích những vụ án mà Hội đồng xét xử áp dụng không đúng pháp luật, có sai sót trong quyết định hình phạt để rút kinh nghiệm chung, từ đó nâng cao hơn nữa chất lượng xét xử các vụ án hình sự.

Đối với các vụ án do NCTN thực hiện hành vi phạm tội, các Thẩm phán và Hội thẩm cần phải có những kiến thức về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm do NCTN thực hiện hành vi phạm tội để khi quyết định hình phạt đối với NCTNPT không đưa ra những quyết định mang tính chất duy ý chí, dẫn đến tình trạng tùy tiện, chủ quan khi lựa chọn hình phạt, mức hình phạt, biện pháp chấp hành hình phạt. Trong quá trình tiến hành tố tụng cần chú ý lựa chọn những Thẩm phán, Hội thẩm có nhiều kiến thức và kinh nghiệm, kỹ năng xét xử các vụ án liên quan đến NCTNPT ... nhằm đảm bảo hơn nữa quyền con người của NCTN.

+ Đời sống của công chức nước ta nói chung, của đội ngũ cán bộ, công chức ngành tòa án nói riêng còn rất khó khăn, chưa được quan tâm đúng mức, tiền lương không đảm bảo đời sống gia đình, từ đó dễ nảy sinh những vấn đề tiêu cực trong quá trình công tác, đặc biệt là công tác giải quyết án, thường

xuyên tiếp xúc với mặt trái của nền kinh tế thị trường, mặt trái của xã hội, sự cám dỗ của vật chất... Do đó cần phải có chính sách tiền lương phù hợp, tương xứng với tính chất lao động đặc thù của cán bộ tư pháp để họ có thể yên tâm cống hiến với nghề, với xã hội với tinh thần “phụng công thủ pháp, chí công vô tư”. Bên cạnh đó, cần có chế độ khen thưởng thỏa đáng với những người có công, đồng thời có biện pháp xử lý nghiêm minh với mọi hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức của người Thẩm phán và Hội thẩm.

+ Nâng cao ý thức pháp luật và niềm tin nội tâm của đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm trong quá trình xét xử và quyết định hình phạt đối với NCTNPT.

3.2.2.4. Thường xuyên giám đốc xét xử và tổng kết, rút kinh nghiệm công tác xét xử đối người chưa thành niên phạm tội

Kịp thời kiểm tra, đôn đốc, tiến hành thường xuyên công tác sơ, tổng kết rút kinh nghiệm về áp dụng pháp luật, về đường lối xử lý các vụ án hình sự do NCTN thực hiện, tìm ra những ưu khuyết điểm và nguyên nhân để có các giải pháp khắc phục kịp thời.

Đối với việc áp dụng các quy định của pháp luật, quy định của BLHS, BLTTHS, các văn bản quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền cần tập trung vào một số vấn đề chính, cơ bản sau:

- Trường hợp tổng hợp hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội.

Khi quyết định hình phạt đối với NCTN phạm nhiều tội, để đảm bảo tính chính xác và công bằng, Tòa án phải tuân thủ những quy định chung về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, đồng thời phải tuân thủ những quy định riêng đối với NCTNPT, đặc biệt là Điều 75 BLHS năm 1999 quy định về vấn đề tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành phạm nhiều tội. Tuy nhiên vấn đề tổng hợp hình phạt đối với người chưa thành phạm nhiều tội vẫn còn nhiều điểm

chưa hợp lý, xuất phát từ các quy định ngay trong BLHS như đã nêu ở những phần trước.

Do đó, thông qua công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ giúp cho cán bộ Tòa án, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nắm chắc quy định của pháp luật, những vướng mắc bất cập, kinh nghiệm xét xử các vụ án liên quan đến việc quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội.

- Quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt.

Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt là những trường hợp quyết định hình phạt đặc thù bên cạnh quyết định hình phạt đối với NCTNPT. Tuy nhiên, BLHS chưa có quy định riêng về quyết định hình phạt cho NCTN khi họ chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt. Chính vì thế thực tiễn xét xử ở các Tòa án nhân dân khác nhau sẽ có cách hiểu và áp dụng pháp luật khác nhau trong trường hợp NCTN chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt. Khi xét xử về hành vi của NCTN chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt, Tòa án không chỉ áp dụng Điều 74 BLHS 1999 quy định về quyết định hình phạt tù đối với NCTNPT mà còn phải áp dụng quy định tại Điều 52 BLHS. Nhưng Điều 52 và Điều 74 BLHS 1999 lại quy định giới hạn hình phạt cao nhất khác nhau nên đã có những cách hiểu, quan điểm khác nhau khi áp dụng cùng lúc cả hai điều luật này. Như vậy, chỉ có thông qua thực tiễn xét xử, công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ, các Tòa án tổng những nội dung trên đề nghị với Tòa án nhân dân tối cao giải đáp vướng mắc, hướng dẫn thống nhất áp dụng trong ngành, trường hợp cần thiết thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết để hướng dẫn thi hành....

- Thông qua công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ giúp cho cán bộ Tòa án, nhất là đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm tích

lũy được kiến thức, học hỏi được kinh nghiệm, kỹ năng xét xử, quyết định hình phạt đối với các vụ án hình sự do NCTN thực hiện.

#### 3.2.2.5. *Triển khai thành lập Tòa án gia đình và người chưa thành niên*

Cho đến nay chúng ta chưa có bộ máy tổ chức chuyên trách thống nhất để giải quyết các vụ án liên quan đến người chưa thành niên. Hay nói cách khác, chúng ta chưa có bộ máy chuyên trách điều tra, truy tố, xét xử, cải tạo người chưa thành niên vì vậy, hiệu quả phòng ngừa tội phạm cũng như bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên chưa cao. Do đó, để đảm bảo sự thống nhất về mặt chính sách đối với người chưa thành niên đã được quy định trong Hiến pháp, Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật khác, sự ra đời của tòa án chuyên trách về người chưa thành niên là vô cùng cần thiết. Luật Tổ chức Tòa án 2014 cũng đã có quy định thành lập Tòa án gia đình và người chưa thành niên nhằm xét xử các vụ án hình sự mà bị cáo, hoặc bị hại hay có thể nhân chứng là trẻ em, giải quyết các vụ kiện dân sự, các vụ án hành chính có liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của trẻ em. Tòa xét xử các vụ án này với tố tụng đặc biệt thể hiện ở khung cảnh thân thiện của phiên tòa, ...và cho đến nay, trên cả nước, Tòa gia đình và người chưa thành niên mới chỉ chính thức được thành lập với tư cách là một Tòa chuyên trách thuộc tổ chức bộ máy của TAND Thành phố Hồ Chí Minh. Đây cũng là Tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh đầu tiên ở Việt Nam được tổ chức theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Đây là toà án xét xử các vụ án có người chưa thành niên tham gia với hai cấp xét xử: Sơ thẩm và phúc thẩm. Qua triển khai thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh đã cho thấy được hiệu quả trong công tác xét xử đối với các vụ án là NCTN do vậy mô hình nên tiếp tục được nhân rộng trên toàn quốc nhằm đảm bảo sự thống nhất của hệ thống Tòa án.

### **Kết luận Chương 3**

Trong thời gian qua, nhìn chung các cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh Nam Định đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật trong việc quyết định hình phạt đối với NCTNPT, đảm bảo đúng đường lối xử lý của Đảng và Nhà nước ta, đảm bảo quyền con người của NCTN, tích cực giáo dục, cải tạo NCTNPT, giúp họ sớm nhận ra lỗi lầm, nhanh chóng hòa nhập, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn quyết định hình phạt đối với NCTNPT trên địa bàn tỉnh Nam Định trong thời gian qua vẫn còn một số bất cập, hạn chế. Qua phân tích các bất cập, hạn chế này cùng với những nguyên nhân của nó, tác giả đã đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng quyết định hình phạt đối với NCTNPT, góp phần thực hiện tốt công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra.



## KẾT LUẬN

Với tính chất là một trong những biện pháp cưỡng chế của Nhà nước, khi quy định và áp dụng hình phạt thì Nhà nước cũng mong muốn đạt đến một kết quả nhất định trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội; đặc biệt đối với người phạm tội là NCTN. Do đó việc nghiên cứu nội dung quyết định hình phạt đối với NCTNPT có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Qua việc nghiên cứu Luận văn, tác giả đưa ra một số kết luận sau:

1. Quyết định hình phạt đối với NCTNPT là hoạt động của Hội đồng xét xử trên cơ sở các chứng cứ, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân... của NCTNPT để quyết định hình phạt đúng quy định pháp luật, đạt được mục đích của hình phạt.

2. Khi quyết định hình phạt đối với NCTNPT phải căn cứ vào quy định chung của BLHS về hình phạt và quyết định hình phạt; đồng thời phải căn cứ vào chính sách hình sự, quy định riêng về quyết định hình phạt đối với NCTN.

3. Hình phạt được áp dụng đối với NCTNPT bao gồm phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn. Ngoài ra NCTNPT còn có thể bị áp dụng các biện pháp tư pháp như giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng.

4. Tình hình tội phạm do NCTN thực hiện trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn công tác quyết định hình phạt áp dụng đối với NCTNPT cũng bộc lộ một số bất cập, hạn chế, vướng mắc như: Quyết định hình phạt tù còn chiếm một tỷ lệ khá cao khi quyết định hình phạt đối với NCTNPT; mức hình phạt còn nghiêm khắc;

ít áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ... Mặt khác, hướng dẫn áp dụng pháp luật chưa đầy đủ, hoàn thiện; chất lượng đội ngũ những người tiến hành tố tụng, đặc biệt là Thẩm phán, Hội thẩm chưa cao; công tác tái hòa nhập cộng đồng cho NCTN chưa được chú trọng đúng mức... Nguyên nhân có thể xuất phát từ nhiều yếu tố như: thiếu sót của hệ thống pháp luật, hạn chế về năng lực trình độ của cán bộ bảo vệ pháp luật, đặc thù của tội phạm do NCTNPT thực hiện...

6. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác quyết định hình phạt đối với NCTNPT, tập trung vào một số nội dung như: Các yêu cầu bảo đảm đúng quy định của Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt đối với NCTNPT; Các giải pháp nâng cao chất lượng quyết định hình phạt đối với NCTNPT...

Quá trình nghiên cứu Luận văn cho thấy, thực tiễn công tác quyết định hình phạt đối với NCTNPT quy định tại BLHS vẫn còn có những bất cập, quan điểm nhận thức và giải quyết khác nhau... cần có văn bản hướng dẫn thống nhất của cấp có thẩm quyền. Hy vọng có thể góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật và nâng cao hiệu công tác quyết định hình phạt đối với NCTNPT, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm chung.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Anh (2006), *Chế tài hình sự đối với trường hợp trẻ em và NCTNPT*, Nxb Tư pháp, Hà nội.
2. Phạm Văn Beo (2010), *Luật Hình sự Việt Nam, Quyển 1*, Nxb Chính trị quốc gia.
3. Lê Cẩm (1999), *Hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Công an nhân dân.
4. Lê Cẩm, Phạm Mạnh Hùng, Trịnh Tiến Việt (2005), *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà nội.
5. Lê Cẩm, Đỗ Thị Phương (2004), *Tư pháp hình sự đối với NCTN – những khía cạnh pháp lý hình sự, tố tụng hình sự, tội phạm học và so sánh luật học (Phần 1 – những khía cạnh pháp lý hình sự)*, Tòa án nhân dân, (20/10).
6. Bùi Thành Chung, *Khái niệm NCTN và khái niệm tội phạm do NCTN gây ra - cơ sở có tính pháp lý quan trọng để phòng ngừa, điều tra tội phạm và xử lý NCTNPT*, [www.pup.edu.vn](http://www.pup.edu.vn)
7. Chính phủ, Nghị định 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 quy định về hình phạt cải tạo không giam giữ.
8. Công ước Quốc tế về quyền trẻ em.
9. Trần Văn Dũng (2013), *Quyết định hình phạt đối với NCTNPT*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 10/2003.
10. Nguyễn Minh Hải (2009), *Về nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt đối với NCTNPT*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 16/2009.
11. Dương Tuyết Miên (2004), *Quyết định hình phạt đối với NCTNPT*, Tạp chí Luật học số 04/2009.

12. Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đinh Văn Quế (2003), *Quyết định hình phạt tù đối với NCTNPT*, Tạp chí Tòa án nhân dân.
14. Đinh Văn Quế (2005), *Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ luật Hình sự năm 1999*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 16/2005.
15. Quốc hội (2009), Bộ luật Hình sự Việt Nam 1999 (sửa đổi bổ sung).
16. Quốc hội (2012), Bộ luật Lao Động 2012.
17. Quốc hội (2004), Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
18. Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự 2015.
19. Phan Thị Thanh Tâm, *Chính sách hình sự đối với NCTNPT*, Học viện Cảnh sát, [www.pup.edu.vn](http://www.pup.edu.vn).
20. Quách Hữu Thái (2010), *Những vướng mắc trong thực tiễn xét xử NCTNPT*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 06/2010.
21. Phạm Văn Thiệu, *Cần sửa đổi, bổ sung quy định về quyết định hình phạt trong trường hợp NCTN phạm nhiều tội*, [www.nclp.org.vn](http://www.nclp.org.vn).
22. Phạm Văn Thiệu (2008), *Tổng hợp hình phạt trong trường hợp án treo và NCTNPT*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 05/2008.
23. Vũ Thị Thúy (2010), *Bàn về việc áp dụng hình phạt trục xuất đối với NCTNPT trong luật Hình sự Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 21/2010.
24. Nguyễn Mạnh Tiến (2010), *Bàn về quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với NCTNPT*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 21/2010.
25. Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, Báo cáo thống kê về thụ lý và giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm có bị cáo là NCTN (các năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015).

26. Trương Thị Quỳnh Trâm (2014), *Quyết định hình phạt đối với NCTNPT theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
27. Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10 tháng 6 năm 2002 về việc giải đáp các nghiệp vụ.
28. Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12 tháng 5 năm 2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự.
29. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
30. Trường Đại học Luật Hà Nội (1997), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
31. Trịnh Quốc Toàn (2008), *Hoàn thiện hình phạt tử hình, tù có thời hạn và phạt tiền theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 9/2008.
32. Nguyễn Đức Tuất (2010), *Quyết định hình phạt thế nào khi NCTN chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 01/2010.
33. *Từ điển Pháp luật hình sự* (2006), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
34. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1998), *Tăng cường năng lực hệ thống tư pháp NCTN Việt Nam*, Nxb Bộ Tư pháp.
35. Trịnh Tiên Việt (2010), *Những khía cạnh pháp lý hình sự về các hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với NCTNPT*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 13/2010, số 14/2010.
36. Võ Khánh Vinh (1988), *Quyết định hình phạt: Một số vấn đề chung*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 4.
37. Võ Khánh Vinh (1996), *Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia.

38. Võ Khánh Vinh (1999), *Tập bài giảng Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Đại học Huế - Trung tâm đào tạo từ xa.
39. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2002), *Giáo trình luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân.
40. Vụ pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp (2006), *Bảo vệ quyền của NCTN trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp.

## PHỤ LỤC

**Bảng 3.1: Thống kê số vụ án hình sự có bị cáo là NCTN thực hiện đã thụ lý trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015**

Năm	Tội phạm nói chung		Tội phạm có bị cáo là NCTN		Tỷ lệ %	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2011	1030	1534	17	20	1,65	1,30
2012	1047	1574	45	67	4,29	4,25
2013	1146	1807	41	58	3,57	3,20
2014	1088	1742	33	41	3,03	2,35
2015	956	1700	24	31	2,51	1,82
Tổng số	5267	8357	160	217	3,04	2,60

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định)

**Bảng 3.2: Thống kê các tội phạm do NCTN thực hiện đã được xét xử trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015**

Tội phạm (Ghi theo thứ tự các chương, điều của BLHS)	Điều luật áp dụng	Tổng số đã giải quyết	
		Số vụ	Số bị cáo
Giết người	93	3	3
Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	104	23	32
Mua bán người	119	1	2
Cướp tài sản	133	23	47
Cưỡng đoạt tài sản	135	2	2
Cướp giật tài sản	136	7	9

Công nhiên chiếm đoạt tài sản	137	1	1
Trộm cắp tài sản	138	56	64
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	139	5	6
Cố ý làm hư hỏng tài sản	143	2	2
Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm	155	2	2
Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy	194	7	7
Vi phạm quy định về điều khiển giao thông đường bộ	202	7	8
Gây rối trật tự công cộng	245	3	10
Đánh bạc	248	4	4
Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	250	1	1
Chứa mại dâm	254	1	1
Môi giới mại dâm	255	1	1
Chống người thi hành công vụ	257	1	1

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định)

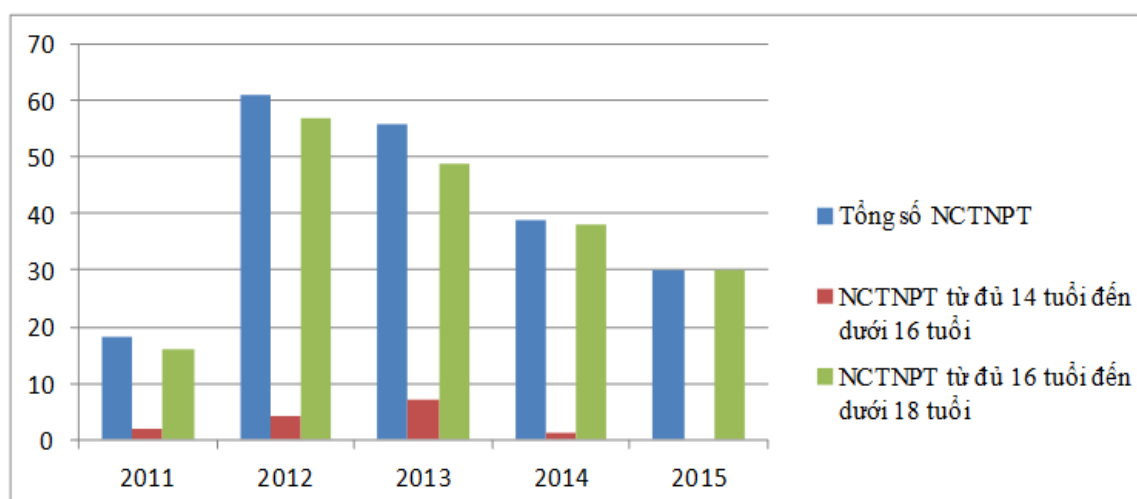


**Bảng 3.3: Thống kê NCTNPT đã bị xét xử theo nhóm tuổi trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015**

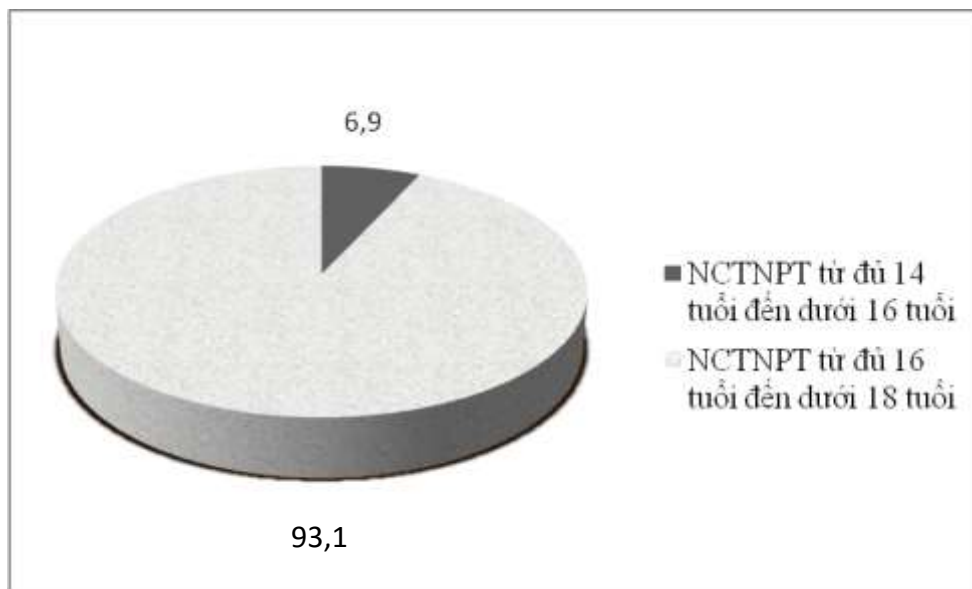
Năm	Tổng số NCTNPT	NCTNPT trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi		NCTNPT trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	
		Tổng số	Tỷ lệ %	Tổng số	Tỷ lệ %
2011	18	2	11,1	16	88,9
2012	61	4	6,6	57	93,4
2013	56	7	12,5	49	87,5
2014	39	1	2,6	38	97,4
2015	30	0	0	30	100
Tổng số	204	14	6,9	190	93,1

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định)

**Bảng 3.4: Biểu đồ thể hiện NCTNPT đã bị xét xử theo nhóm tuổi trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015**



**Bảng 3.5: Biểu đồ thể hiện cơ cấu NCTNPT trong độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trên địa bàn tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015 (theo %)**



**Bảng 3.6: Thống kê hình phạt tù với hình phạt khác đối với NCTNPT tại tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015**

Năm	Tổng số NCTNPT	Hình phạt tù	Tỷ lệ %	Hình phạt khác	Tỷ lệ %
2011	18	14	77,8	4	22,2
2012	61	60	98,4	1	1,6
2013	56	54	96,4	2	3,6
2014	39	31	79,5	8	20,5
2015	30	28	93,3	2	6,7
Tổng	204	187	91,7	17	8,3

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định)

**Bảng 3.7: Thống kê hình phạt đối với NCTNPT tại tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015**

Hình phạt	Năm					Tổng	%
	2011	2012	2013	2014	2015		
Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ	4	1	2	8	2	17	8,3
Án treo	8	32	18	13	13	84	41,2
Tù từ 3 năm trở xuống	2	23	23	17	15	80	39,2
Tù từ 3 năm đến 7 năm	4	3	9	0	0	16	7,9
Tù từ trên 7 năm đến 15 năm	0	2	3	1	0	6	2,9
Tù từ trên 15 năm đến 18 năm	0	0	1	0	0	1	0,5

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định)

**Cơ cấu hình phạt áp dụng đối với NCTNPT tại tỉnh Nam Định từ năm 2011 đến năm 2015 (theo %)**

